

Số: **54** /BC-UBND

Gia Lai, ngày **29** tháng **8** năm 2025

BÁO CÁO

Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 12016/BTC-KTĐPLT ngày 06/8/2025 của Bộ Tài chính về việc báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện các Nghị quyết số 26-NQ/TW và số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ và vùng Tây Nguyên, UBND tỉnh Gia Lai báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai, như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

I. Công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 152/NQ-CP của Chính phủ

Sau khi Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 152/NQ-CP của Chính phủ ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời tổ chức học tập, quán triệt đến cán bộ chủ chốt, các đảng bộ trực thuộc tỉnh; chỉ đạo các đảng bộ trực thuộc, đảng đoàn, ban cán sự đảng đề ra chương trình hành động, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị một cách cụ thể, thiết thực gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên nói chung và Gia Lai nói riêng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 63-CTr/TU, ngày 13/7/2023; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2374/KH-UBND ngày 05/9/2023 triển khai Chương trình hành động số 63 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 152 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Đồng thời, cụ thể hóa các Nghị quyết này vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh là kim chỉ nam để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI (nhiệm kỳ 2020-2025).

Tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương tập trung quán triệt về ý nghĩa, mục đích, yêu cầu, nội dung, các quan điểm, mục tiêu; từ đó hoạch định ra những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, phù hợp với thực tế của địa phương. Tạo sự thống nhất cao trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành, của người dân và cộng đồng các doanh nghiệp về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của vùng. Đổi mới tư duy phát triển, nhất là về liên kết vùng, tiểu vùng; về cơ chế, chính sách đặc thù; về phân bổ nguồn lực; về nguồn nhân lực, tiềm năng, lợi thế nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng, vai trò của tỉnh trong vùng, tiểu vùng; giải quyết các vấn đề trọng điểm quốc gia tại vùng; các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tiểu vùng. Phát huy mạnh mẽ hơn nữa truyền thống cách mạng, lòng yêu nước; tinh thần chủ động, sáng tạo; ý thức tự lực, tự cường, ý chí vươn lên mạnh mẽ của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Đồng thời, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, sự hợp tác, giúp đỡ của các địa phương trong vùng và cả nước để phát triển kinh tế nhanh và bền vững hơn.

- Quá trình tổ chức thực hiện đảm bảo gắn với triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 và các chỉ thị, nghị quyết, chỉ đạo khác có liên quan của trung ương, của tỉnh; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn, đề cao tinh thần chủ động, quyết tâm, đổi mới sáng tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục triệt để những hạn chế, yếu kém, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, đưa tỉnh Gia Lai phát triển nhanh và bền vững.

II. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2023-2024 và dự kiến năm 2025:

1. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2023-2024

- Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) theo giá so sánh 2010: năm 2023 đạt 3,02%; năm 2024 đạt 3,28%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch phù hợp¹. GRDP bình quân đầu người năm sau cao hơn năm trước (năm 2024 đạt 68,02 triệu đồng/người, tăng 7,45 triệu đồng so với năm 2023). Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2023, 2024 lần lượt đạt 26.452 tỷ đồng; 27.748 tỷ đồng. Tổng thu cân đối ngân sách trên địa bàn thực hiện đến hết ngày 31/12/2023 là 5.575,3 tỷ đồng, đạt 102,6% so với dự toán Trung ương giao, đạt 94,3% so với dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 1,9% so với cùng kỳ; Chi ngân sách địa phương là 14.424,5 tỷ đồng bằng 93,8% so với dự toán Trung ương giao, đạt 91,5% so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 17,7% so với cùng kỳ. Thu ngân sách trên địa bàn đến ngày 31/12/2024 đạt 5.890 tỷ đồng, đạt 104,72% so với dự toán Trung ương giao, đạt 101,29% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 5,83% so với cùng kỳ. Thu nội địa đạt 5.770 tỷ đồng, đạt 103,51% so với dự toán Trung ương giao, đạt 100,09% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 4,7% (Thu tiền sử dụng đất 1.192 tỷ đồng, đạt 95,36% dự toán Trung ương giao, đạt 86,88% dự toán HĐND tỉnh giao², tăng 31,95%). Tổng chi ngân sách địa phương đến ngày 31/12/2024 đạt 16.457,7 tỷ đồng, đạt 103,39% so với dự toán Trung ương giao, đạt 101,7% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 15,1% so với cùng kỳ. Trong đó: Chi đầu tư phát triển đạt 4.184,7 tỷ đồng; chi thường xuyên thực hiện là 12.258,7 tỷ đồng.

- Các hoạt động nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, công

¹ Năm 2023, khu vực nông lâm nghiệp - thủy sản chiếm 28,27%, công nghiệp - xây dựng chiếm 27,38%, dịch vụ chiếm 40,40%, thuế sản phẩm 3,95%; năm 2024, nông lâm nghiệp - thủy sản chiếm 28,32%, công nghiệp - xây dựng chiếm 28,5%, dịch vụ chiếm 39,33%, thuế sản phẩm 3,85%.

² Nguyên nhân chủ yếu các dự án giao đất, đấu giá đất có thu tiền sử dụng đất của cấp tỉnh chưa triển khai nên số thu tiền sử dụng đất chưa đảm bảo so với dự toán được giao.

nghiệp năng lượng, dịch vụ du lịch tiếp tục được phát triển. Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2023 tăng 1,69% so với năm 2022; năm 2024 tăng 2,9% so với năm 2023. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2023 đạt 55.171,9 tỷ đồng, năm 2024 đạt 60.771 tỷ đồng. Kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt 680 triệu USD; năm 2024 đạt 800 triệu USD. Tỷ lệ che phủ rừng từng bước được nâng lên (năm 2024 đạt 47,5%). Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, thu ngân sách được tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo. Các hoạt động thu hút đầu tư được tăng cường, trong giai đoạn 2023-2024 chấp thuận chủ trương đầu tư trên 60 dự án với tổng vốn đầu tư là 7.571 tỷ đồng.

- Cùng với đó, trên lĩnh vực văn hoá - xã hội có chuyển biến, tiến bộ, mạng lưới y tế, công tác giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm,... được quan tâm, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Các chính sách an sinh xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia... được thực hiện đồng bộ và mang lại hiệu quả thiết thực. Công tác giảm nghèo đạt được những kết quả tích cực quan tâm, tỷ lệ hộ nghèo giảm qua các năm (năm 2023 là 8,11%, năm 2024 là 6,06%). An ninh chính trị, an ninh biên giới được giữ vững; trật tự an toàn xã hội ổn định.

2. Tình hình kinh tế - xã hội 7 tháng năm 2025

a) Về sản xuất nông, lâm, thủy sản, quản lý tài nguyên và môi trường

Trong tháng 7, các địa phương tiếp tục sản xuất vụ Hè Thu và vụ Mùa năm 2025; trong đó, tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, bố trí cơ cấu giống phù hợp; phát triển đàn vật nuôi gắn với công tác phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; thực hiện các giải pháp cấp bách về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU) và các chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác xa bờ; triển khai công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, phát triển trồng rừng sản xuất; công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh tiếp tục được tăng cường, triển khai thực hiện có hiệu quả. Nhìn chung, tình hình sản xuất nông, lâm, thủy sản, quản lý tài nguyên và môi trường tháng 7/2025 tiếp tục duy trì được sự ổn định và phát triển.

Về trồng trọt: Diện tích gieo trồng lúa Hè Thu ước đạt 42.162,7 ha, tăng 2,7% so với cùng kỳ và diện tích lúa Hè Thu đã thu hoạch đạt 2.789 ha, giảm 46,6% (giảm 2.437 ha) so với cùng kỳ. Nguyên nhân giảm do vụ Đông Xuân gieo sạ và thu hoạch muộn, sạ Hè Thu chậm.

Đối với lúa vụ mùa, diện tích gieo trồng tính đến cuối tháng 7/2025 đạt 45.581 ha, tăng 10,0% (tăng 4.151,2 ha) so với cùng kỳ năm trước. Các xã đạt tiến độ cao gồm xã Phú Thiện, xã Biển Hồ, xã Ia Tul và xã Ia Pa.... Kết quả tích cực này đạt được nhờ nguồn nước tưới được đảm bảo và người dân tích cực thực hiện gieo sạ đúng thời vụ. Tiến độ gieo trồng một số cây trồng cạn: Cây ngô đạt 37.152,1 ha, giảm 0,3%; cây lạc đạt 12.966,6 ha, giảm 1,2%; rau các loại đạt 39.747,8 ha, giảm 2,3%; đậu các loại đạt 19.150,1 ha, tăng 0,1% so với cùng kỳ.

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng: Nhờ triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, trừ sâu bệnh trên cây trồng nên diện tích sâu bệnh gây hại trên cây trồng đã giảm đáng kể, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do sâu bệnh gây ra, các đối tượng gây hại nguy hiểm (rầy nâu và bệnh đạo ôn hại lúa; rệp sáp, bệnh gỉ sắt gây hại cà phê; bệnh vàng lá chết chậm, tuyến trùng hại trên cây tiêu,...) đã được khống chế, ngăn chặn lây lan gây hại ra diện rộng.

Về chăn nuôi: Trong tháng, hoạt động chăn nuôi bị ảnh hưởng bởi diễn biến phức tạp của dịch bệnh, nhất là bệnh Dịch tả lợn châu Phi. Tuy nhiên, nhìn chung chăn nuôi trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát, duy trì. Tổng đàn vật nuôi kỳ tháng 7/2025: Đàn bò ước đạt 803.299 con, tăng 3,1%; trong đó, bò sữa ước đạt 23.970 con, tăng 71,6% so với cùng kỳ. Đàn lợn (không kể lợn con chưa tách mẹ) ước đạt 1.411.652 con, giảm 0,1% so với cùng kỳ. Đàn gia cầm ước đạt 17.068,7 nghìn con, tăng 2,5% so với cùng kỳ; trong đó, đàn gà có 14.767,7 nghìn con, tăng 4,9% (+694,9 nghìn con) so với cùng kỳ.

Tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm: Từ cuối tháng 6/2025 đến nay, trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện 05 ổ dịch bệnh Dịch tả lợn châu Phi tại 05 hộ chăn nuôi³, tổng số lợn mắc bệnh, xử lý tiêu hủy: 301 con (trong đó: 290 lợn thịt và lợn sữa, 11 con lợn giống), khối lượng tiêu hủy 23.746 kg.

Công tác tiêm phòng cho gia súc, gia cầm tiếp tục được triển khai thực hiện theo kế hoạch. Các địa phương tăng cường vận động người chăn nuôi tự giác chấp hành tiêm phòng định kỳ, góp phần duy trì không chế dịch bệnh. Thực hiện cấp phát 2.340 lít thuốc sát trùng cho 18 xã, phường và thành lập các chốt kiểm soát dịch bệnh động vật liên ngành tạm thời trên địa bàn tỉnh

Về lâm nghiệp: Thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ và phát triển rừng, tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, tổ chức lực lượng chốt chặn các trạm; công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng tiếp tục thực hiện có hiệu quả. Từ đầu năm đến nay, không có vụ cháy rừng, giảm 2 vụ so với cùng kỳ. Tính từ đầu năm đến nay, phát hiện và lập biên bản 35 vụ vi phạm phá rừng, giảm 12,5% (-5 vụ) so với cùng kỳ, diện tích thiệt hại 8,6 ha; giảm 51,3% (-9,1 ha) so với cùng kỳ.

Trong tháng, đã khai thác được 2.055,64 ha, sản lượng 276.262,87 m³; đã trồng được 173,4 ha (xã Hoài Ân 0,81 ha; xã Kim Sơn 107,5 ha; xã Chư Păh 20,78 ha; xã Ia Khuol 10 ha; xã Pờ Tô 16,65 ha; xã Hra 17,66 ha). Từ đầu năm đến nay, đã khai thác được 878.440,87 m³, trồng được 1.590,65 ha rừng.

Kết quả thực hiện trồng, chuyển hóa rừng cây gỗ lớn và cấp chứng chỉ rừng trồng: Lũy kế đến nay, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh 10.294,3 ha. Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững đến nay là 15.631,73 ha.

Về thủy sản: Trong tháng 7 năm 2025, thời tiết khá ổn định, ít chịu ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới, tạo điều kiện cho tàu cá vươn khơi, bám biển, góp phần giúp tổng sản lượng thủy sản tăng trưởng so với cùng kỳ. Sản lượng thủy sản tháng 7/2025 ước đạt 26.689,6 tấn, tăng 2,6% so cùng kỳ; cộng dồn 7 tháng sản lượng thủy sản ước đạt 176.269,3 tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ. Trong đó sản lượng khai thác thủy sản biển tháng 7/2025 ước đạt 25.716,2 tấn, tăng 2,6% so cùng kỳ; cộng dồn 7 tháng sản lượng ước đạt 167.602,9 tấn, tăng 2,6% so với cùng kỳ.

Toàn tỉnh tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp cấp bách về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU) và các chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ theo quy định⁴.

³ (1) Khu vực Háo Đức, phường An Nhơn Đông, (2) thôn Tư Cung, xã Tuy Phước Đông, (3) thôn An Điền Bắc xã Cửu An, (4) thôn Đức Hưng, xã Ia Nan, (5) thôn Cảnh An 2, Xã Tuy Phước Tây. Các ổ dịch xảy ra đều được cập nhật, báo cáo kịp thời và đầy đủ trên Hệ thống Vahis.

⁴ Đến ngày 21/7/2025, toàn tỉnh có 5.860 tàu cá có chiều dài từ 6 m trở lên được đăng ký. 100% tàu cá tham gia hoạt động khai thác thủy sản đã được cấp giấy phép khai thác thủy sản. Đã hoàn thành 100% việc đăng ký, đăng kiểm, đánh dấu tàu cá, cấp giấy phép khai thác thủy sản, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá. Đã cập nhật 100% dữ liệu tàu cá vào cơ sở

Về phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục phối hợp với các địa phương hướng dẫn xây dựng dự án, kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đến nay, đã hình thành mới 10 chuỗi liên kết (đạt 90,91% so với kế hoạch); trong đó, UBND tỉnh phê duyệt 03 dự án/kế hoạch liên kết và các địa phương đã chủ động hướng dẫn các bên tham gia liên kết xây dựng, hình thành mới 07 chuỗi liên kết. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch giám sát, đánh giá năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; tổ chức đoàn công tác gồm các sở ngành có liên quan kiểm tra công tác giảm nghèo, xóa nhà tạm nhà dột nát tại các xã trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc các địa phương khẩn trương rà soát, đánh giá hiện trạng và đăng ký kế hoạch thực hiện đạt chuẩn xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh. Lũy kế đến nay có 47/135 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 34,8%); 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Toàn tỉnh hiện có 981 sản phẩm đạt hạng OCOP, trong đó: 851 sản phẩm đạt hạng OCOP 3 sao, 123 sản phẩm đạt hạng OCOP 4 sao và 07 sản phẩm đạt hạng OCOP 5 sao⁵.

- *Công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh tiếp tục được tăng cường.* Các địa phương tiếp tục tăng cường công tác quản lý tài nguyên khoáng sản (đất, đá, cát...), kiểm tra, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp khai thác đất, đá, cát... trái phép hoặc không đúng quy định gây lãng phí tài nguyên, thất thu ngân sách, ô nhiễm môi trường. Tổ chức kiểm tra các khu vực đề nghị đóng cửa mỏ các mỏ vật liệu phục vụ thi công các công trình vốn ngân sách tỉnh và dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam; khu vực đăng ký khai thác đá làm vật liệu xây dựng trong phạm vi công trình xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam. UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ phương án xử lý vấn đề môi trường trên địa bàn tỉnh, nhất là trong vấn đề thu gom, vận chuyển, xử lý rác, chất thải, nước thải cả trong sản xuất và sinh hoạt; nâng cao chất lượng công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản; đẩy mạnh thực hiện công tác chuyển đổi số trong quản lý đất đai; kiểm tra, xử lý kiên quyết các vụ vi phạm về đất đai, tài nguyên khoáng sản, rừng và đất rừng.

b) Về sản xuất công nghiệp và xây dựng

Về công nghiệp: Tháng 7/2025, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn tỉnh Gia Lai tăng 6,50% so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,9% (trong đó khu vực Gia Lai trước đây tăng 9,6%, khu vực Bình Định trước đây tăng 8,61%). Trong đó ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 8,26%; công nghiệp khai khoáng tăng 3,14%; công nghiệp sản xuất và phân phối điện tăng 11,23%; cung cấp nước quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 13,49% so với cùng kỳ. Tình hình sản xuất ở một số ngành chủ lực của tỉnh như sau:

- Ngành chế biến thực phẩm tăng 9,4% do một số sản phẩm tiêu thụ nội địa tăng: Thức ăn gia súc tăng 7,35%; thức ăn gia cầm tăng 12,84% do sự gia nhập thị trường của các doanh nghiệp mới như Công ty Birgfeed, Công ty Fago chi nhánh miền Trung, thúc đẩy sản xuất và cung cấp thức ăn cho ngành chăn nuôi. Tuy nhiên, với tình hình dịch bệnh đang lan rộng trên đàn heo như hiện nay sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp

dữ liệu nghề cá quốc gia. Trong tháng 7 đã tiếp nhận 5.300 hồ sơ đề nghị hỗ trợ (4.459 hồ sơ nhiên liệu, 841 hồ sơ bảo hiểm); lũy kế từ đầu năm đến nay đã tiếp nhận 9.802 hồ sơ (7.898 hồ sơ nhiên liệu, 1.904 hồ sơ bảo hiểm).

⁵ 507 chủ thể OCOP bao gồm: 82 chủ thể là hợp tác xã (chiếm 16,17%); 81 chủ thể là công ty (chiếm 15,98%); 340 chủ thể là cơ sở sản xuất (chiếm 67,06%); 4 chủ thể là hội nông dân/làng nghề/tổ hợp tác (chiếm 0,79%).

chế biến thức ăn chăn nuôi, quy mô có thể thu hẹp trong thời gian tới.

- Ngành sản xuất trang phục tăng 11,33%, phản ánh sự ổn định và phát triển của ngành may mặc trong tỉnh. Đây là một trong những điểm sáng nổi bật của hoạt động công nghiệp trong 7 tháng đầu năm 2025.

- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 26,12%, đóng góp chính từ sản phẩm gạch ốp lát tăng rất mạnh (+176,03%). Nguyên nhân do có 2 dự án có vốn đầu tư lớn đi vào hoạt động gồm Công ty cổ phần Takao Bình Định và Công ty CP Công nghiệp Kamado.

- Ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng mạnh 13,01%, nổi bật là sản phẩm cấu kiện thép với mức tăng 46,55%. Mức tăng này chủ yếu đến từ việc các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất trong những tháng đầu năm nhằm tận dụng nguyên liệu tồn kho.

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 3,08% so cùng kỳ và có xu hướng tăng chậm lại so với các tháng cuối năm 2024 và đầu năm 2025.

- Chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,23%. Về sản lượng, ngành điện tăng trưởng mạnh, chủ yếu nhờ vào sản lượng thủy điện, chiếm khoảng 70% tổng sản lượng ngành, tăng 15,97% so với cùng kỳ; điện gió cũng ghi nhận mức tăng 18,51% nhờ điều kiện gió thuận lợi; ngược lại, điện mặt trời giảm nhẹ 0,67% do thời tiết nhiều mây và sự cắt giảm huy động điện mặt trời trong một số thời điểm.

Các chương trình khuyến công, tư vấn phát triển công nghiệp tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện. Hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tiếp tục phát triển ổn định. Các sản phẩm của các làng nghề đã đáp ứng phần lớn nhu cầu tiêu dùng của người dân trong tỉnh.

Về xây dựng: Công tác quy hoạch, chỉnh trang đô thị, xây dựng các khu dân cư, nhà ở xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện. UBND tỉnh đã yêu cầu chủ đầu tư các dự án xây dựng kế hoạch, tiến độ triển khai thực hiện cụ thể, chi tiết cho từng dự án nhà ở xã hội; tổ chức kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư các dự án tập trung nguồn lực (nhân, vật lực) để triển khai hoàn thành các thủ tục đầu tư, tổ chức khởi công, thi công xây dựng công trình theo tiến độ và quy mô dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức làm việc trực tiếp với nhà đầu tư để kịp thời nắm bắt khó khăn, vướng mắc và tổ chức giải quyết, tháo gỡ theo thẩm quyền hoặc báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án, hoàn thành chỉ tiêu số lượng căn hộ nhà ở xã hội hoàn thành trong năm 2025 là 742 căn.

Trong tháng 7, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1594/QĐ-TTg ngày 24/7/2025 phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Gia Lai đến năm 2050.

c) Về thương mại, dịch vụ, tài chính

Trong tháng 7, tỉnh đã tổ chức hàng loạt chương trình, lễ hội để quảng bá, tổ chức xúc tiến du lịch như: Giải Võ cổ truyền các võ đường Bình Định tranh cúp Hoàng đế Quang Trung lần thứ VII năm 2025; Phối hợp với các tỉnh Đắk Nông, Lâm Đồng, Kon Tum xây dựng gian hàng chung “Du lịch Tây Nguyên - Đại ngàn vẫy gọi” quảng bá tại ngày Hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh; phối hợp với tỉnh Đắk Lắk xây dựng gian hàng chung “Đại ngàn Tây Nguyên giao hòa cùng biển cả” quảng bá tại Hội chợ Du lịch Quốc tế VITM Hanoi 2025; tổ chức Cuộc thi nghề đan lát, dệt thổ cẩm và ẩm thực truyền thống tạo ra các sản phẩm phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh năm 2025. Hàng tuần vào thứ 7, CN các nghề

nhân sẽ biểu diễn công chiêng tại Quảng trường Đại Đoàn kết... Nhờ vậy, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7/2025 ước đạt 18.379 tỷ đồng, tăng 3,5% so với tháng trước và tăng 16% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng đầu năm 2025 ước đạt 114.873,3 tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ; trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 85.763,1 tỷ đồng, tăng 9,4%; hoạt động dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 17.174,9 tỷ đồng, tăng 16,5%; du lịch lữ hành ước đạt 729,2 tỷ đồng, tăng 18,7%; dịch vụ khác ước đạt 11.206,1 tỷ đồng, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm trước.

Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tội phạm buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh. UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị tăng cường công tác quản lý nhà nước trong đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng và không đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật, trao đổi nghiệp vụ và hướng dẫn phân biệt hàng thật – giả... Lực lượng quản lý thị trường đã tổ chức kiểm tra diện rộng các mặt hàng dễ bị làm giả như sữa, dược phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe...

- *Về xuất nhập khẩu:* Tình hình xuất, nhập khẩu hàng hoá 7 tháng đầu năm 2025 vẫn tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định. Trong bối cảnh phải đối mặt với nhiều thách thức từ chính sách thuế quan và rào cản thương mại của Hoa Kỳ, đòi hỏi các doanh nghiệp trong nước phải không ngừng đổi mới sản phẩm, tiếp cận mở rộng thêm thị trường mới, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Tính đến tháng 7 năm 2025, tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu toàn tỉnh Gia Lai ước đạt 2.844,4 triệu USD, tăng 26,8% so với cùng kỳ, trong đó: xuất khẩu ước đạt 2.296,1 triệu USD, tăng 30,9%; nhập khẩu ước đạt 548,4 triệu USD, tăng 11,9% so với cùng kỳ.

- *Về du lịch:* Công tác quản lý và tổ chức các hoạt động du lịch tiếp tục được duy trì thường xuyên. Ngành Du lịch đã tổ chức chương trình Gặp mặt kỷ niệm 65 năm ngày thành lập ngành Du lịch Việt Nam (09/7/1960 - 09/7/2025); tổ chức họp trao đổi với Hiệp hội Du lịch khu vực Bình Định, khu vực Gia Lai, Chi hội lữ hành, Chi hội hướng dẫn du lịch về việc khảo sát, xây dựng tour, tuyến du lịch; phát triển sản phẩm du lịch trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong thời gian tới. Đồng thời, tổ chức khảo sát xây dựng chương trình tour, tuyến du lịch Gia Lai (từ ngày 13/7 đến 17/7/2025) và dự thảo Báo cáo nội dung khảo sát để tổ chức chương trình Famtrip, Presstrip cho các thị trường khách du lịch tiềm năng trong nước và nước ngoài đến khảo sát Gia Lai. Hiện tỉnh đang chuẩn bị các điều kiện để tổ chức Lễ hội tinh hoa Đại ngàn - Biển xanh hội tụ năm 2025 với mục tiêu quảng bá thể mạnh, tiềm năng của tỉnh, góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị tinh hoa của vùng đất và con người địa phương; thu hút khách du lịch đến với biển Quy Nhơn, góp phần phát triển kinh tế đêm, kinh tế biển, kích cầu dịch vụ du lịch, ẩm thực của địa phương.

Trong tháng 7, toàn tỉnh ước đón 1,26 triệu lượt khách du lịch, tăng 14,6% so với cùng kỳ. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2025, toàn tỉnh ước đón 8,64 triệu lượt khách, tăng 14,9% so với cùng kỳ, trong đó khách quốc tế ước đạt 75.130 lượt, tăng 8,9%; khách nội địa ước đạt trên 8,56 triệu lượt, tăng 14,9% so với cùng kỳ. Lũy kế doanh thu du lịch 7 tháng ước đạt 19.827 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ.

Bên cạnh tổ chức tốt các sự kiện, sản phẩm du lịch mới, ngành du lịch đã tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy định trong hoạt động kinh doanh du lịch tại các khu, điểm du lịch, cơ sở lưu trú; kiểm tra hoạt động vận tải khách du lịch và hoạt động của

hướng dẫn viên du lịch; tạo hình ảnh về một không gian đẹp nhằm nâng cao hiệu quả thu hút du khách trong và ngoài nước.

Tính chung 7 tháng đầu năm, dịch vụ vận chuyển hành khách ước đạt 47,5 triệu hành khách, tăng 13,7% và luân chuyển 6.131,6 triệu hành khách.km, tăng 11,1% so với cùng kỳ. Vận tải hàng hoá ước đạt 31,6 triệu tấn, tăng 11,7%; luân chuyển 4.547 triệu tấn.km, tăng 7,2% so với cùng kỳ. Hàng hoá thông qua cảng biển tại địa phương trong tháng 7 năm 2025 ước đạt 1.222 nghìn TTQ, tăng 4,3% so với tháng trước, tăng 2,4% so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng đầu năm 2025 sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển ước đạt 8.057 nghìn TTQ, giảm 6,8% so với cùng kỳ năm trước.

- *Về thu, chi ngân sách:* Tổng thu ngân sách nhà nước từ đầu năm đến ngày 30/7/2025 là 16.356 tỷ đồng, đạt 67,9% dự toán. Trong đó, thu nội địa (*trừ tiền sử dụng đất; thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại, xổ số kiến thiết*) là 8.415,3 tỷ đồng, đạt 60,9% dự toán; thu tiền sử dụng đất là 7.294,9 tỷ đồng, đạt 83,9% dự toán; thu xuất nhập khẩu là 277,3 tỷ đồng, đạt 28,3% dự toán. Tổng chi ngân sách nhà nước 7 tháng đầu năm 2025 là 24.845 tỷ đồng, đạt 57,6% dự toán; trong đó chi thường xuyên là 15.120 tỷ đồng, đạt 61,8% dự toán.

Về hoạt động tài chính, tín dụng, ước đến cuối tháng 7/2025, tổng nguồn vốn huy động của hệ thống ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh là 205.786 tỷ đồng, tăng 13,2% so với tháng 12/2024; tổng dư nợ ước đạt 243.100 tỷ đồng, tăng 2,8% so với tháng 12/2024 (*trong đó nợ xấu chiếm khoảng 1,44% so với tổng dư nợ*).

d) Về đầu tư phát triển

Trong tháng các Chủ đầu tư tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của tỉnh. Tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý về xây dựng cơ bản; đẩy mạnh việc giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, phân đấu giải ngân đến hết quý III/2025 đạt trên 60% kế hoạch vốn đã giao.

Giá trị giải ngân vốn đầu tư công do tỉnh quản lý đến ngày 31/7/2025 là 7.891,1 tỷ đồng, đạt 56,43%; trong đó vốn ngân sách tỉnh có giá trị giải ngân là 6.243,7 tỷ đồng, đạt 58,27%, vốn NSTW có giá trị giải ngân là 1.647,4 tỷ đồng, đạt 50,41%.

UBND tỉnh đang quyết liệt chỉ đạo các sở, ban, ngành địa phương có liên quan trong công tác chuẩn bị đầu tư các dự án, công trình trọng điểm, phân đấu khởi công ngay trong năm 2025 (trong đó có các dự án, công trình trọng điểm như: Dự án đầu tư xây dựng đường cắt hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát, Tuyến đường bộ cao tốc Quy Nhơn – Pleiku, Khu Công nghiệp Phù Mỹ, Khu công nghiệp Nam Pleiku, khu đô thị CK 54 và một số dự án trọng điểm khác⁶,...) góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

đ) Về thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh. Trong tháng 7/2025, toàn tỉnh thu hút mới 05 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký đầu tư 1.629,2 tỷ đồng (có 01 dự án FDI), trong đó có 02 dự án nằm trong cụm công nghiệp và 03 dự án nằm ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

⁶ Mở rộng nút giao đường ven biển Cát Tiến – Diêm Vân và đường trục Khu kinh tế; Tuyến đường nối từ Quốc lộ 1 đến đường ven biển ĐT.639 kết nối với cảng Đề Gi; Nút giao thông khác mức tại khu vực ngã 5 Đống Đa – Hoa Lư; Tuyến đường kết nối từ Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa đến Khu đô thị Long Vân; Đường ven biển đoạn cầu Thiện Chánh đi Quảng Ngãi; Bảo tàng tỉnh; Nâng cấp mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh (xây dựng mới đơn nguyên); Mở rộng Bệnh viện Mắt Bình Định (giai đoạn 2), Xây dựng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn – cơ sở 2 ...

Tính chung 7 tháng đầu năm 2025, toàn tỉnh thu hút 123 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký đầu tư là 57.485,7 tỷ đồng, trong đó có 114 dự án đầu tư trong nước có tổng vốn đăng ký 30.495,2 tỷ đồng và 09 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 26.990,57 tỷ đồng (tương đương 1.080,62 triệu USD). Phân loại dự án theo lĩnh vực như sau: 51 dự án thuộc lĩnh vực Công nghiệp; 17 dự án thuộc lĩnh vực xây dựng - hạ tầng; 15 dự án thuộc lĩnh vực thương mại dịch vụ - du lịch; 39 dự án thuộc lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản; 01 dự án bất động sản, kinh tế đô thị. Phân theo địa bàn: Có 23 dự án trong KKT, KCN; có 31 dự án trong CCN và 69 dự án ngoài KKT, KCN, CCN. Ngoài ra, từ đầu năm đến nay đã thực hiện điều chỉnh 133 dự án với vốn đầu tư tăng thêm 4.843,2 tỷ đồng.

UBND tỉnh đang chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương chuẩn bị chu đáo nội dung để tổ chức Hội nghị Xúc tiến đầu tư và thương mại tỉnh Gia Lai năm 2025 (dự kiến ngày 18/8/2025).

Hoạt động đăng ký doanh nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực. Trong tháng 7/2025, đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 313 Doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký 925 tỷ đồng; tạm ngừng kinh doanh 43 doanh nghiệp; giải thể 19 doanh nghiệp; hoạt động trở lại 12 doanh nghiệp. Lũy kế từ 01/01/2025 đến ngày 31/7/2025, đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 1.674 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký 13.388 tỷ đồng.

e) Về văn hoá – xã hội

Về giáo dục và đào tạo: Trong tháng 7, ngành Giáo dục và Đào tạo đã hoàn thành công tác chấm thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Theo kết quả chấm thi, toàn tỉnh có 35.002/35.289 thí sinh đỗ tốt nghiệp, đạt tỷ lệ 99,2%. Công tác quản lý việc dạy thêm, học thêm được tăng cường; hoạt động chuyển đổi số và phát triển giáo dục STEM trên địa bàn tiếp tục được đẩy mạnh. Việc thực hiện các thủ tục tiếp nhận, chuyển trường cho các em học sinh (*con của cán bộ, công chức, người lao động của tỉnh Gia Lai trước khi sáp nhập*) theo nguyện vọng đảm bảo kịp thời, thuận lợi, sớm ổn định học tập.

Về văn hóa: Đã xây dựng và tổ chức thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước, của tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 15/7/2025 về việc tham gia Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025). Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả ở một số địa phương. Các hoạt động thể thao quần chúng, các giải thi đấu thể thao trong tỉnh được triển khai theo kế hoạch.

Về thể thao: Các đội tuyển thể thao thành tích cao của tỉnh tham gia thi đấu các giải quốc gia, khu vực: Giải vô địch trẻ võ cổ truyền quốc gia lần thứ XXVI, Giải vô địch Điền kinh các nhóm tuổi trẻ quốc gia, VnExpress Marathon Quy Nhơn 2025, Giải vô địch wushu trẻ quốc gia, Giải vô địch kickboxing toàn quốc,...

Về y tế: Công tác phòng, chống dịch bệnh được tập trung triển khai kịp thời, hiệu quả. Đảm bảo đầy đủ thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị phòng chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, công tác y tế dự phòng, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tiếp tục được quan tâm. Duy trì thường xuyên hoạt động truyền thông về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và giám sát các nguy cơ ô nhiễm thực phẩm trong cộng đồng, kiên quyết ngăn chặn, xử lý nghiêm vi phạm về an toàn thực phẩm.

Thường xuyên chỉ đạo, giám sát, kiểm tra các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh triển khai

thực hiện, tuân thủ các quy trình chuyên môn, kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải tiến quy trình khám bệnh; triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ và cải thiện các điều kiện phục vụ sinh hoạt của người bệnh; nâng cao tinh thần trách nhiệm và phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế, đi đôi với đảm bảo vệ sinh môi trường và tạo dựng cảnh quan cơ sở y tế “xanh, sạch, đẹp” hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

Về an sinh xã hội, lao động, việc làm: Công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách tiếp tục được thực hiện. Tiếp tục giải quyết chế độ trợ cấp cho các trường hợp người có công với cách mạng và thân nhân theo quy định. Các Hội nghị, diễn đàn về hướng nghiệp; tư vấn xuất khẩu lao động; nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý về an toàn, vệ sinh lao động... tiếp tục được duy trì và triển khai có hiệu quả.

Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tiếp tục được quan tâm, triển khai thực hiện. Trong đó, tập trung đẩy mạnh thực hiện các nội dung thuộc Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em; Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; Chương trình Bảo vệ trẻ em...; tổ chức thăm và tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhân các dịp lễ, tết.

Công tác lao động, việc làm và thị trường lao động tiếp tục ổn định. Trung tâm Dịch vụ việc làm đã tổ chức thành công nhiều phiên giao dịch việc làm, kết nối hiệu quả giữa người lao động và doanh nghiệp, không phát sinh tình trạng thiếu hụt lao động tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chính sách đối với người có công với cách mạng được triển khai sâu rộng, kịp thời và hiệu quả. Nhân dịp kỷ niệm 78 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ, các hoạt động tri ân được tổ chức trang trọng, ý nghĩa, đúng quy định.

Về khoa học và công nghệ: UBND đã chỉ đạo triển khai quyết liệt Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; thực hiện rà soát, sửa đổi, xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh để hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào tỉnh; tập trung triển khai bình dân học vụ số. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển hạ tầng công nghệ thông tin; xây dựng các ứng dụng AI để hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành các cấp, các ngành.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số của tỉnh năm 2025; tiếp tục triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh; tập huấn cán bộ công chức cấp xã về trợ lý ảo...

- *Công tác dân tộc, tôn giáo:* Tình hình sản xuất và đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh ổn định; công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số được duy trì thường xuyên; công tác phòng chống dịch bệnh được các cấp, các ngành, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc. Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được giữ vững, ổn định, không để xảy ra những vụ việc phức tạp gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phát huy tinh thần đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, đẩy mạnh việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các chương trình, chính sách dân tộc được tỉnh quan tâm chỉ đạo triển khai kịp thời, đem lại nhiều kết quả quan trọng, góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống của vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa

bàn tỉnh.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo luôn được quan tâm thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, thông tin xử lý, giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp liên quan đến hoạt động tôn giáo. Hướng dẫn các tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc thực hiện đúng các quy định, quy trình, thủ tục của hoạt động tôn giáo.

- Trong tháng 7/2025, UBND tỉnh đã cho phép 03 đoàn ra và đón tiếp 13 đoàn vào với hơn 227 lượt khách quốc tế. Tổ chức thành công 05 hội nghị, hội thảo quốc tế tại ICISE, thúc đẩy hợp tác với Hàn Quốc, Nhật Bản, Lào và Campuchia. Đồng thời, tiếp tục triển khai Nghị quyết 153/NQ-CP về hội nhập quốc tế, xúc tiến cấp học bổng cho sinh viên Nam Lào, chú trọng đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại, cấp học bổng cho sinh viên Nam Lào, hỗ trợ hiệu quả công tác lễ tân, các thủ tục liên quan đến cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, Công hàm xin thị thực; thực hiện CNLS, HPHLS; công tác lãnh sự và bảo hộ công dân.

g) Về công tác nội chính

- *Sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước*: UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh quyết định thành lập cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo quy định; đồng thời phối hợp, hướng dẫn UBND cấp xã trình HĐND cùng cấp thực hiện quy trình, thủ tục để thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã theo thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ đúng khung số lượng phòng chuyên môn theo quy định và phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương.

Trong tháng đầu tiên chính thức đi vào hoạt động, các xã, phường đã ban hành quy chế làm việc, chương trình làm việc của Ban Chấp hành, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; ban hành kế hoạch tổ chức đại hội, thành lập các tiểu ban phục vụ đại hội, xây dựng dự thảo văn kiện và tích cực chuẩn bị công tác tổ chức đại hội đảng bộ xã, phường. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường đã thành lập các phòng, ban trực thuộc; bố trí, phân công cán bộ; ban hành quy chế làm việc, chương trình công tác 6 tháng cuối năm theo quy định. Trung tâm phục vụ hành chính công ở hầu hết các xã, phường đều đã đi vào hoạt động cơ bản ổn định, bước đầu đáp ứng nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và tổ chức trên địa bàn. Công tác sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức và giải quyết chế độ chính sách được triển khai bài bản, đúng quy định pháp luật; việc bố trí người hoạt động không chuyên trách được thực hiện linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế từng địa phương. Đến ngày 20/7/2025, trên địa bàn tỉnh có 2.715 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động xin nghỉ việc do sắp xếp đơn vị hành chính để giải quyết chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP; đã phê duyệt kinh phí đối với 437 người, tổng kinh phí 508,572 tỷ (*trong đó: 347 người nghỉ hưu trước tuổi, kinh phí 419,198 tỷ đồng; 90 người nghỉ thôi việc, kinh phí 89,374 tỷ đồng*). Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, đến ngày 29/7/2025 có 285 trường hợp đề nghị giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

Về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc: Các xã, phường đã được bố trí tiếp tục sử dụng trụ sở, máy móc, thiết bị và phương tiện làm việc từ các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn cũ để phục vụ công tác chung. Về cơ bản, bước đầu bảo đảm cho bộ

máy mới đi vào hoạt động. Các hệ thống đường truyền, phần mềm phục vụ quản lý, điều hành (hệ điều hành tác nghiệp của các cơ quan đảng, chính quyền, dịch vụ công trực tuyến, số hóa tài liệu...) đã được triển khai đến các xã, phường.

Trong tháng, các đồng chí lãnh đạo tỉnh đã thành lập nhiều đoàn công tác đi cơ sở, làm việc với cấp ủy, chính quyền các địa phương để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn hoạt động của bộ máy mới. Nhờ vậy, hệ thống chính quyền các cấp đã thích ứng tốt với điều kiện vận hành mới, tinh thần làm việc, trách nhiệm của hệ thống chính quyền từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được nâng cao, tạo khí thế mới, niềm tin mới trong đội ngũ cán bộ và Nhân dân toàn tỉnh.

Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 09/7/2025 về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2025 nhằm trang bị, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp. Đến nay đã tổ chức 19 lớp bồi dưỡng cho 4.826 lượt học viên là cán bộ, công chức cấp xã. Đồng thời Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các Sở liên quan thực hiện việc cập nhật nội dung đào tạo, bồi dưỡng và các nội dung khác có liên quan để số hóa, cập nhật “Sổ tay điện tử đào tạo, bồi dưỡng” và tạo nguồn dữ liệu cho công cụ “Trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức” phục vụ cho hoạt động thực thi công vụ và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Về công tác giải quyết thủ tục hành chính: Tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong tháng là 88.671 hồ sơ, trong đó bao gồm: 62.348 hồ sơ tiếp nhận mới (trực tuyến: 38.592 hồ sơ, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích: 23.756 hồ sơ), 26.323 hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua. Trong đó số lượng hồ sơ đã giải quyết: 44.790 hồ sơ, số lượng hồ sơ đang giải quyết là 39.799 hồ sơ. Theo số liệu thống kê trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, kết quả đánh giá chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp tỉnh Gia Lai trong tháng 7/2025 đứng vị trí thứ 6/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Công tác xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước tiếp tục được quan tâm; công tác cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng; đẩy mạnh thực hiện công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo thực hiện.

Công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh có nhiều đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng. Công tác văn thư, lưu trữ, công tác thanh niên... đã có nhiều đổi mới, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động quản lý nhà nước.

- *Công tác thanh tra* được triển khai thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, bám sát kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt. Kết quả thanh tra đã phát hiện, kiến nghị xử lý một số vụ việc có vi phạm, góp phần chấn chỉnh, khắc phục những sơ hở, thiếu sót, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên địa bàn. *Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo* được chú trọng thực hiện thường xuyên, giải quyết kịp thời những vụ việc bức xúc, đông người, nhất là các vụ việc liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng thi công các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh. *Công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực* được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc.

- Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tiếp tục được giữ vững ổn định; các lực lượng chức năng duy trì nghiêm kỷ luật quân đội, chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tổ chức tuần tra

canh gác bảo đảm an toàn, tăng cường bám địa bàn, nắm dân và phối hợp chặt chẽ với chính quyền cơ sở thực hiện các biện pháp công tác bảo vệ biên giới, ngăn chặn vượt biên, quản lý tạm trú tại khu vực biên giới; gọi hỏi, răn đe các đối tượng liên quan hoạt động Fulro, “Tin lành Đê ga”; bảo vệ an ninh biên giới. Công tác triển khai kế hoạch bảo vệ các ngày Lễ lớn của tỉnh và cả nước được quan tâm chú trọng.

3. Dự kiến kinh tế - xã hội cả năm 2025

Trong các tháng đầu năm 2025, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và phát triển, đạt được những kết quả nổi bật. Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) 6 tháng đầu năm 2025 của tỉnh Gia Lai sau sáp nhập tăng 7,49% so với cùng kỳ; trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,41%; công nghiệp và xây dựng tăng 10,48% (*riêng công nghiệp tăng 11,02%; xây dựng tăng 9,8%*); dịch vụ tăng 7,64%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,05%.

Với kết quả đạt được trong các tháng đầu năm 2025, tỉnh sẽ tiếp tục tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Trung ương, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, quyết tâm cả năm 2025, tổng sản phẩm địa phương (GRDP) của tỉnh tăng từ 7,3 - 7,6%, phấn đấu tăng 8% trong điều kiện thuận lợi để góp phần cùng cả nước hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 từ 8,3 - 8,5%.

III. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 152/NQ-CP của Chính phủ trong 03 năm 2023-2025⁷

1. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển nhanh, bền vững tạo bước đột phá, lan toả trong phát triển kinh tế vùng, liên vùng

1.1 *Đẩy mạnh tiến trình tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng phát triển chiều sâu*: giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản 02 năm 2023-2024 (*theo giá so sánh 2010*) ước đạt 27.722 tỷ đồng, năm sau cao hơn năm trước (*năm 2023 đạt 13.483 tỷ đồng; năm 2024 đạt 14.238 tỷ đồng*). Tái cơ cấu và phát triển nông nghiệp của tỉnh đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận. Đã hình thành và phát triển các vùng trồng với nhiều loại cây có giá trị kinh tế cao, đạt tiêu chuẩn, ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm⁸ gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm⁹.

- Tổng diện tích gieo trồng cả năm 2023 đạt 592.720 ha, đạt 103,95% KH, tăng 3,74% CK; năm 2024 ước đạt 595.023 ha, đạt 101,33% KH, bằng 100,98% cùng kỳ; 6 tháng đầu năm 2025, tổng diện tích gieo trồng vụ Đông xuân đạt 82.338,37 ha, vượt 3,44% kế hoạch, tăng 1,19% so với cùng kỳ; tổng sản lượng lương thực ước đạt 182.555 tấn, vượt 15,84% kế hoạch, tăng 6,86% so với cùng kỳ. Tính đến ngày 23/6/2025, Vụ Mùa gieo trồng 126.551,2/221.480 ha, đạt 57,1% so với kế hoạch và bằng 105,2% so với cùng kỳ¹⁰. Năng

⁷ Số liệu tính theo số liệu tỉnh Gia Lai trước sáp nhập tính đến 30/6/2025

⁸ Lũy kế đến thời điểm báo cáo, tỉnh Gia Lai (cũ) đã được cấp 227 mã số vùng trồng với tổng diện tích là 9.668,7 ha và 38 mã số cơ sở đóng gói nông sản với công suất 1.550 - 1.700 tấn quả tươi/ngày xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Úc, New Zealand, Hoa Kỳ...; có 693 nhãn hiệu hàng hóa thông thường đã đăng ký và được cấp văn bằng bảo hộ.

⁹ Toàn tỉnh Gia Lai (cũ) có 05 chuỗi liên kết giữa các Doanh nghiệp với người chăn nuôi với tổng số trại liên kết 177 trại; có 07 hợp tác xã liên kết với các hộ sản xuất theo chuỗi; 11 cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP; 01 cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn GlobalGAP; có 89 sản phẩm OCOP trong lĩnh vực chăn nuôi đạt 3 - 4 sao.

¹⁰ Trong đó: Lúa nước 24.350,8 ha, đạt 59,4%; lúa rẫy 4.955,4 ha, đạt 58,3%; ngô 22.624,4 ha, đạt 65,6%; sắn 41.733,1 ha, đạt 61,8%; khoai lang 1.947,6 ha, đạt 45,3%; đậu các loại 10.249,3 ha, đạt 57,6%; rau, dưa các loại 10.607,7 ha, đạt 53,5%; lạc 1.400,5 ha, đạt 67,3%; mè 2.375,9 ha, đạt 99,0%; mía trồng mới 2.007,5 ha, đạt 230,8%; cây hàng năm khác 3.597,1 ha, đạt 35,4%; cây cao su TM (TC) 30,0 ha, đạt 1,1%; cây cà phê TM (TC) 305,4 ha, đạt 11,5%; cây điều TM (TC) 0,2 ha; cây hồ tiêu TM (TC) 4,0 ha, đạt 10,0%; cây ăn quả 306,6 ha, đạt 5,0%; cây dược liệu 55,6 ha đạt 4,4%.

suất, sản lượng hầu hết các loại cây trồng năm sau tăng so với năm trước. Hầu hết cây trồng được chuyển đổi khá phù hợp với điều kiện đất đai, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, cho năng suất cao, chất lượng tốt¹¹. Các cây công nghiệp chủ lực được đầu tư phát triển theo chiều sâu, gắn với thị trường tiêu thụ, nâng cao hiệu quả kinh tế. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thời vụ mang lại hiệu quả cho người sản xuất. Việc phát triển các sản phẩm đặc trưng của tỉnh, Chương trình OCOP được quan tâm và triển khai tích cực; khơi dậy tiềm năng, lợi thế góp phần phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị. Công tác phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi ngày càng được tăng cường.

- Đến 30/6/2025, có 103 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng diện tích 2.867,58 ha, tổng vốn đăng ký 16.558,04 tỷ đồng (49 dự án đã đưa vào hoạt động), dịch bệnh vật nuôi, thủy sản được kiểm soát ổn định; có 05 chuỗi liên kết giữa các Doanh nghiệp với người chăn nuôi với 180 trại; 14 hợp tác xã liên kết với các hộ sản xuất theo chuỗi; 11 cơ sở sản xuất sản phẩm chăn nuôi đạt tiêu chuẩn VietGAP, 01 cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn GlobalGAP.

- Công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng đã được ngành và địa phương chủ động triển khai. Tỷ lệ che phủ rừng từng bước được nâng lên, đến cuối năm 2024 dự kiến đạt 47,5%. Đã thu hút được 37 dự án trồng rừng với diện tích hơn 31.000 ha. Nhìn chung, tiến độ triển khai thực hiện các dự án còn chậm, nguyên nhân một phần do diện tích xin thực hiện dự án của một số doanh nghiệp, đa số người dân đang xâm canh sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp. Ngoài ra, một số dự án khảo sát có vị trí trùng nhau nên kéo dài thời gian thực hiện các quy trình, thủ tục theo đúng quy định. Có 11 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, cho thuê đất để trồng rừng, với diện tích 4.123 ha, đến nay đã trồng được 3.530,43 ha.

- Toàn tỉnh Gia Lai (trước sáp nhập) có 96 xã đạt chuẩn 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới, cụ thể gồm: 91 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; 05 xã đã tổ chức thẩm định và dự kiến tổ chức họp Hội đồng thẩm định tỉnh đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trong tháng 9 năm 2024; bình quân số tiêu chí đạt là 14,94 tiêu chí/xã; chưa có xã được công nhận xã nông thôn mới nâng cao. Toàn tỉnh có 159 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 128 thôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số).

1.2 Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến và công nghiệp năng lượng, tập trung vào nhóm ngành công nghiệp mà tỉnh có lợi thế:

- Về quy hoạch phát triển điện lực, năng lượng tái tạo: Trên địa bàn tỉnh có 88 dự án năng lượng tái tạo cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, với tổng quy mô công suất 4.347,89 MW, gồm: 60 dự án thủy điện, với tổng quy mô công suất 2.330,89 MW; 09 dự án điện mặt trời, với công suất 630 MW; 17 dự án điện gió, với tổng quy mô công suất 1.242,4 MW; 02 dự án điện sinh khối đã vào vận hành, với tổng quy mô công suất 129,6 MW; có 3.248 hệ thống điện mặt trời mái nhà với tổng công suất là 603,822 MWp.

- Khu công nghiệp Trà Đa đã thu hút 63 dự án (05 dự án FDI) với tổng vốn đầu tư đăng ký 3.684,3 tỷ đồng, tổng vốn đầu tư đã thực hiện 2.843,3 tỷ đồng đạt 77,17 % tổng

¹¹ Trên địa bàn tỉnh Gia Lai (cũ) hiện có khoảng 255.668,4 ha cây trồng các loại sản xuất theo hướng tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, 4C, Organic, Rainforest Alliance, FLO chiếm 41,5% trên tổng diện tích gieo trồng toàn tỉnh; trong đó có khoảng 59.644,17 ha cây trồng được chứng nhận sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, 4C, hữu cơ, Rainforest Alliance,... cho các sản phẩm cà phê, hồ tiêu, chè, rau, củ, trái cây, lúa,...; có 03 doanh nghiệp và 03 hợp tác xã được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ TCVN, Mỹ (USDA), Hàn Quốc, Nhật Bản (JAS), Châu Âu (EU) cho 151,7 ha cây trồng (bao gồm cả phê, tiêu, trái cây, chè và cà gai leo).

vốn đầu tư đăng ký¹². Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh có 40 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 643,9 tỷ đồng (tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2023), vốn đầu tư thực hiện ước đạt 319,1 tỷ đồng (tăng 31,4% so với cùng kỳ năm 2023), đạt 49,6% tổng vốn đầu tư đăng ký¹³. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Nam Pleiku, tỉnh Gia Lai được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1118/QĐ-TTg ngày 03/9/2019, Ban Quản lý Khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 517,5 tỷ đồng trên diện tích 191,55 ha và tiến độ thực hiện dự án đến tháng 11/2024. Nhà đầu tư thực hiện dự án là Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê.

1.3 Phát triển đô thị và bố trí dân cư phù hợp với các điều kiện đặc trưng về sinh thái, bản sắc văn hóa Tây Nguyên

- Triển khai xây dựng định hướng phát triển các đô thị trên địa bàn tỉnh gắn với việc nâng loại các đô thị, nâng cấp các đơn vị hành chính, đảm bảo chỉ tiêu tăng trưởng dân số đô thị. Trong đó, đề nghị các địa phương tập trung kiểm soát tốt các yếu tố tác động đến tỷ lệ đô thị hóa: Tốc độ tăng dân số khu vực thành thị (tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khu vực đô thị); di chuyển dân cư từ khu vực nông thôn đến khu vực thành thị (tỷ lệ tăng dân số cơ học ở các đô thị). UBND tỉnh ban hành Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình số 52-CTr/TU ngày 18/01/2023 của Tỉnh ủy về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đôn đốc các địa phương, doanh nghiệp cấp nước triển khai mở rộng các đường ống thứ cấp đến khu dân cư, nâng cấp các nhà máy và thiết bị xử lý để tăng tỷ lệ sử dụng cung cấp, sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung, đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân hiểu được tầm quan trọng việc sử dụng nước sạch. Chỉ đạo rà soát, tổng hợp, đánh giá toàn diện, tổng hợp báo cáo, đề xuất Bộ Xây dựng những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, rà soát những nội dung chồng chéo, bất cập trong việc thi hành pháp luật liên quan đến quản lý phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật đô thị; đề xuất những chính sách hoặc nội dung cần được quy định để điều chỉnh các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Dự kiến đến cuối năm 2024: tỷ lệ đô thị hoá đạt 30,42%, tỷ lệ nước sạch đô thị toàn tỉnh đạt 80%.

1.4 Các chương trình, chính sách dân tộc được quan tâm, triển khai kịp thời.

- Các chương trình, chính sách dân tộc được quan tâm, triển khai kịp thời¹⁴. Tập trung triển khai Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thành công Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp huyện, lần thứ IV năm 2024. Kết cấu hạ tầng cơ sở vùng DTTS được tăng cường đầu tư thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, góp phần cải thiện đời sống vật

¹² Trong tổng số 63 dự án đầu tư trong đó: 46 dự án đã đi vào hoạt động; 09 dự án cơ bản đã hoàn thành xây dựng nhưng chưa đáp ứng điều kiện đi vào hoạt động sản xuất (trong đó có 03 dự án đã báo cáo số liệu sản xuất kinh doanh); 03 dự án đang xây dựng; 01 dự án đang làm thủ tục sau cấp Quyết định chủ trương đầu tư và 04 dự án quá hạn điều chỉnh, thông báo quy định chấm dứt hoạt động dự án. Nhà đầu tư vào KCN Trà Đa chủ yếu tập trung vào các ngành, nghề phát huy lợi thế về nguồn nguyên liệu của địa phương như: Sản xuất đá granite, nông sản, gỗ.

¹³ Trong đó: 28 dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động, 07 dự án đang xây dựng, 05 dự án chưa triển khai xây dựng (trễ tiến độ). Các dự án chủ yếu hoạt động thương mại, dịch vụ, kinh doanh kho bãi phù hợp với khu vực cửa khẩu.

¹⁴ Cụ thể: Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 – 2025; Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2019 – 2025"; Ban Dân tộc phối hợp với các đơn vị liên quan lập hồ sơ, thẩm định và lựa chọn nhà thầu, dự kiến đến cuối năm thực hiện đạt 100% kế hoạch giao.

chất, tinh thần của người dân.

- Công tác phối hợp giữa UBND tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức hội, đoàn thể tiếp tục được chú trọng, phát huy dân chủ, giám sát và phản biện xã hội. Thực hiện tốt việc tuyên truyền đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Tập trung kêu gọi, vận động các doanh nghiệp, các tổ chức, nhà tài trợ thực hiện chính sách an sinh xã hội.

2. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

2.1. UBND tỉnh đã kịp thời triển khai thực hiện Thông báo số 409/TB-VPCP ngày 10/10/2023 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Chủ tịch Hội đồng điều phối Vùng Tây Nguyên tại Hội nghị lần thứ nhất của Hội đồng; đã ban hành Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 về việc thành lập Tổ điều phối cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ điều phối phát triển vùng Tây Nguyên tại Gia Lai; đồng thời đã có báo cáo đề xuất một số cơ chế, chính sách đặc thù cho Vùng Tây Nguyên nói chung và Gia Lai nói riêng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tiếp tục tập trung nghiên cứu, rà soát, góp ý về Quy hoạch vùng và cơ chế đặc thù của vùng. Chú trọng công tác dân tộc, tôn giáo; tạo sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào di cư tự do; phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc có trình độ và năng lực; bảo tồn văn hóa các dân tộc Tây Nguyên¹⁵.

2.2. Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023. Tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch và hoàn thiện hồ sơ quy hoạch theo quy định.

2.3 *Huy động, phân bổ, lồng ghép các nguồn lực đầu tư những chương trình, dự án, công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu, quan trọng, trọng điểm làm nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững.*

- Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản được chỉ đạo quyết liệt, Tiếp tục phát huy vai trò các Tổ công tác của UBND tỉnh về kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công và thu ngân sách Nhà nước, tăng cường đi cơ sở kiểm tra; thường xuyên đôn đốc các sở, ngành, địa phương, các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2024. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2023, 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 66.185 tỷ đồng.

- UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2023, 2024, 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương để đẩy nhanh tiến độ giải ngân. Hiện nay, các công trình đang được đẩy nhanh tiến độ thi công, nhất là các công trình trọng điểm về giao thông.

2.4 *Thực hiện nuôi dưỡng, tạo nguồn thu ngân sách nhà nước, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu, nợ đọng thuế; đẩy mạnh phân cấp nguồn thu nhằm khuyến khích các địa phương tích cực hơn nữa trong công tác quản lý, khai thác thu ngân sách*

- Trong giai đoạn 2022- 2024, trong bối cảnh kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, kinh tế địa phương phục hồi chậm, trong điều hành ngân sách Chính phủ đã bổ sung nhiều

¹⁵ Tỉnh đã tiến hành ký kết các chương trình hợp tác phát triển, như: Tổ chức ký Biên bản hợp tác kết nối sản xuất và tiêu thụ nông sản tại “Diễn đàn Kết nối Tây Nguyên” tại Lễ Kỷ niệm 90 năm ngày thành lập tỉnh Gia Lai; Chương trình hợp tác phát triển giữa tỉnh Gia Lai và thành phố Hồ Chí Minh; Chương trình hợp tác phát triển giữa các tỉnh Tây Nguyên và Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 và giai đoạn 2024-2025.

chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí và tiền thuê đất làm giảm thu ngân sách. Các dự án giao đất, đấu giá đất có thu tiền sử dụng đất của cấp tỉnh chưa triển khai được nên tiền sử dụng đất không đảm bảo so với dự toán được giao.

- Với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong công tác điều hành thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: Thu nội địa vượt dự toán trung ương giao trong giai đoạn 2023-2024; ước thực hiện thu NSNN 06 tháng đầu năm 2025 đạt 53,76% dự toán. Nhìn chung công tác triển khai dự toán cơ bản đảm bảo tiến độ, công tác quản lý, điều hành chi ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi theo dự toán HĐND tỉnh giao và một số nhiệm vụ phát sinh khác. UBND tỉnh đã chủ động điều hành dự toán chi NSDP đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, phát huy hiệu quả các nguồn kinh phí; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, nhà nước theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định trong phạm vi dự toán được giao để thực hiện các nhiệm vụ chi quan trọng.

2.5. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, nâng chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh PAPI

- Năm 2023, tổng số điểm Chỉ số CCHC của tỉnh Gia Lai là 82,17/100 điểm, cao hơn năm 2022 là 1,82 điểm (*năm 2022 là 80,35/100 điểm*) và xếp vị trí thứ 58/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giữ nguyên so với năm 2022 (*năm 2022 xếp vị trí thứ 58/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023 của tỉnh Gia Lai đạt 83,84%, cao hơn năm 2022 là 1,32%, xếp vị trí thứ 19/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thấp hơn 03 bậc so với năm 2022 (*năm 2022 là 82,52%, xếp vị trí thứ 16/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*). Trên cơ sở kết quả Chỉ số CCHC, Chỉ số SIPAS năm 2023 được Bộ Nội vụ công bố, ngày 26/6/2024, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị đánh giá, rút kinh nghiệm về Chỉ số Chỉ số CCHC, Chỉ số SIPAS năm 2023, qua Hội nghị đã tiến hành đánh giá, phân tích nguyên nhân những tồn tại, hạn chế. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1648/KHUBND ngày 05/7/2024 khắc phục tồn tại, hạn chế và cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai năm 2024. Ngày 13/8/2024, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 374/QĐ-UBND về việc phê duyệt và công bố Chỉ số CCHC năm 2023 của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

3. Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị

3.1 Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống tốt đẹp, các di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu các dân tộc trên địa bàn tỉnh; trong công tác bảo tồn, phát triển cây dược liệu gắn với công nghiệp chế biến; trong việc phát triển thủy sản nước lạnh (cá hồi, cá tầm) có giá trị kinh tế cao và nuôi lồng bè ở vùng lòng hồ các công trình thủy lợi, thủy điện trên lưu vực sông Sê San, sông Ba. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025. Đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt triển khai 22 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

- Tăng cường tiềm lực cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ gắn với hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ. Thúc đẩy tăng năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh

của sản phẩm nông nghiệp, tập trung khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ... ưu tiên các nhiệm vụ gắn với chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia phù hợp với điều kiện của tỉnh. Triển khai 03 dự án đầu tư¹⁶ công thuộc đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó chủ yếu tập trung vào đầu tư nâng cao năng lực, cơ sở vật chất cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; năng lực cho lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, nâng cao năng suất chất lượng để từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp. Tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh¹⁷; ban hành Nghị quyết Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh¹⁸.

- Triển khai có hiệu quả Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030, Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030¹⁹. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với nhóm sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực nông nghiệp, lĩnh vực y tế; các sản phẩm, hàng hóa ưu tiên theo yêu cầu quản lý và theo yêu cầu của doanh nghiệp. Triển khai hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia. Hướng dẫn áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001 trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh...

3.2. Phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị:

- Về nâng cấp đô thị: Thực hiện Chương trình số 52-CTr/TU ngày 18/01/2023 của Tỉnh ủy Gia Lai về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; tỉnh đã triển khai công tác nâng cấp thị xã An Khê từ đô thị loại IV lên loại III, nâng cấp Thị trấn Đak Đoa từ loại V lên loại IV; thành lập đơn vị hành chính đô thị: thị xã Chư Sê; thành lập Thị trấn Ia Pa và Thị trấn Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

- Quy hoạch phát triển đô thị: Đối với thành phố Pleiku, UBND thành phố Pleiku tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Pleiku đến năm 2045; Lập quy hoạch phủ kín QHPK trên địa bàn thành phố Pleiku (hoàn thành 11/11 đồ án); Triển khai Điều chỉnh QHC xây dựng thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai đến năm 2035 theo Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Gia Lai; Đối với thị xã Ayun Pa tập trung triển khai lập QHPK, QHCT để làm cơ sở phát triển đô thị, kêu gọi đầu tư theo Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 01 tháng 09 năm 2017 của UBND tỉnh Gia Lai; Đối với thị trấn Chư Sê, UBND huyện Chư Sê tổ chức lập quy hoạch chung thị trấn Chư Sê mở rộng và gắn với việc lập đề án thành lập thị xã; Tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh gắn với phát triển khu vực biên giới.

¹⁶ **Dự án 1:** Hoàn thiện, tăng cường tiềm lực về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại Khu thực nghiệm khoa học và công nghệ; xây dựng cơ sở vật chất bảo tồn quỹ gen. **Dự án 2:** Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vườn ươm, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo làm trọng điểm tại tỉnh Gia Lai. **Dự án 03:** Đầu tư trang thiết bị đo lường, thử nghiệm trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

¹⁷ Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

¹⁸ Nghị quyết số 243/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai.

¹⁹ Trong giai đoạn 2020-2024, tỉnh Gia Lai đã tổ chức lập hồ sơ xác lập quyền cho 10 sản phẩm địa phương; công tác tư vấn, hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghệ cho các doanh nghiệp, HTX, người dân luôn được quan tâm triển khai, hiện nay 100% sản phẩm OCOP cấp tỉnh đã được hướng dẫn xây dựng nhãn hiệu. Hiện nay, tỉnh Gia Lai có 1.516 nhãn hiệu có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ, trong đó có 693 nhãn hiệu đã có văn bằng bảo hộ

- Đối với các khu vực động lực cấp huyện trên địa bàn tỉnh Gia Lai: 14/14 thị trấn thuộc huyện đã được phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung đô thị, gồm: Đak Đoa, Phú Hòa, Chư Ty, Đak Pơ, Nhơn Hòa, Phú Túc, Chư Prông, Ia Kha, Kon Dong, Kông Chro, K'Bang, Ia Ly, Phú Thiện, Ia Pa. Trong năm 2024, hoàn thành nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị huyện lỵ huyện Ia Pa để làm cơ sở triển khai Đề án thành lập thị trấn thuộc huyện Ia Pa.

Đến năm 2030 đạt các tiêu chí cơ bản của đô thị “sinh thái, thông minh” gắn với đặc thù của tỉnh Gia Lai; toàn tỉnh có tổng số 18 đô thị, gồm: 01 đô thị loại I: Thành phố Pleiku; 01 đô thị loại III: Thị xã An Khê; 05 đô thị loại IV: Thị xã Ayun Pa, thị xã Chư Sê, thị trấn Đak Đoa, thị trấn Kbang, thị trấn Phú Thiện và 11 đô thị loại V: Thị trấn Kông Chro, thị trấn Kon Dong, thị trấn Phú Hòa, thị trấn Ia Ly, thị trấn Chư Ty, thị trấn Ia Kha, thị trấn Chư Prông, thị trấn Nhơn Hòa, thị trấn Phú Túc, đô thị huyện lỵ huyện Ia Pa. Hình thành mới đô thị cửa khẩu Lệ Thanh.

- Hạ tầng khu, cụm công nghiệp, thương mại dịch vụ:

+ Đến nay đã quy hoạch 31 cụm công nghiệp với diện tích 1.942,16 ha. Tính đến thời điểm báo cáo, có 64 dự án đã thuê đất, đang đầu tư và đi vào hoạt động với diện tích 104,24 ha, vốn đầu tư 2.527,62 tỷ đồng, các dự án đi vào hoạt động có doanh thu hàng năm đạt 1.295,28 tỷ đồng, thu hút 1.081 lao động. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 102 chợ, với 01 chợ hạng 1, 13 chợ hạng 2, 73 chợ hạng 3 và 15 chợ tạm. Mạng lưới siêu thị có 18 siêu thị, trong đó 01 siêu thị hạng 2, 17 siêu thị hạng 3, phân theo loại hình kinh doanh có 09 siêu thị chuyên doanh và 09 siêu thị tổng hợp; có 170 cửa hàng tiện lợi.

+ Theo phương án Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã quy hoạch xây dựng cảng cạn tại Nam Pleiku (quy mô 10 ha) tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và quy hoạch đầu tư cảng cạn tại Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh (quy mô 10 ha). Đồng thời, tích hợp quy hoạch đầu tư cảng cạn tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh vào Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045.

+ Hiện nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai lập Đề án quy hoạch chi tiết điều chỉnh Khu dịch vụ phụ trợ KCN Trà Đa (Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 09/9/2024 của UBND thành phố Pleiku), tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư thực hiện Dự án nhà ở công nhân, công trình phúc lợi xã hội.

+ Đề án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045 đã được Bộ Xây dựng tổ chức họp thẩm định ngày 12/9/2024. Sau khi Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tỉnh sẽ triển khai các bước tiếp theo lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết làm cơ sở để triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng thu hút đầu tư vào khu kinh tế.

- Cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định, đảm bảo phục vụ tốt việc phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và nhu cầu thông tin liên lạc của người dân²⁰.

²⁰ * Viễn thông: đến nay, mạng lưới cáp quang đã kết nối đến trung tâm 100% xã, 1.472/1.576 thôn, làng, tổ dân phố, đạt 93,4%; phủ sóng (3G, 4G) đến 100% các thôn, làng, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh. Mạng Truyền số liệu chuyên dùng và hệ thống Hội nghị truyền hình được triển khai và duy trì sử dụng đến 100% UBND cấp huyện và cấp xã.

* Bưu chính: toàn tỉnh hiện có 334 điểm phục vụ. Trong đó, có 183 điểm Bưu điện - Văn hóa xã (BĐ-VHX) đang hoạt động (có 01/184 điểm BĐ-VHX tạm đóng cửa do hoạt động không hiệu quả - không thống kê các điểm này vào số điểm phục vụ). Tỷ lệ xã có điểm BĐ-VHX đạt 100% (xã Chư Đăng Ya có 02 điểm BĐ-VHX; 01 điểm BĐ-VHX thuộc phường An Tân thị

- Hạ tầng giao thông quan trọng:

(1) Nghiên cứu phương án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Quy Nhơn – Pleiku:

- Dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Quy Nhơn – Pleiku đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 219/2025/QH15 ngày 27/6/2025. UBND tỉnh đã chỉ đạo các Ban QLDA tổ chức lập hồ sơ cấm cọc GPMB, bàn giao số liệu, tập tin có định dạng kmz (file kmz) phạm vi cần GPMB cho các địa phương; Rà soát sơ bộ hiện trạng, thống kê diện tích các loại đất cần thu hồi; thỏa thuận với địa phương thống nhất các công trình phụ trợ (công trình dân sinh: hầm chui, đường gom, cầu vượt ngang; thoát nước, mương dẫn dòng về cửa xả; vị trí mở vật liệu, bãi đổ thải). Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo các Ban QLDA và Trung tâm PTQĐ tỉnh phối hợp, bố trí nhân sự hỗ trợ với các địa phương thành lập Hội đồng, Tổ công tác thực hiện công tác giải phóng mặt bằng; đồng thời, triển khai cấm cọc GPMB ngoài thực địa để bàn giao cho các địa phương, dự kiến cơ bản hoàn thành trong tháng 8/2025; thực hiện di dời công trình hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình điện trên 110kV giao cho Tập đoàn điện lực Việt Nam chủ trì tổ chức thực hiện).

(2) Phối hợp với Bộ GTVT đẩy nhanh tiến độ thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Pleiku thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050: Bộ GTVT đã ban hành Quyết định số 1108/QĐ-BGTVT ngày 05/9/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không Pleiku thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(3) Đề xuất xây dựng tuyến giao thông kết nối vùng Ayun Pa (Gia Lai) và Ea H'Leo (Đắk Lắk) và Đề xuất xây dựng tuyến đường nối Gia Lai - Phú Yên (Quốc lộ 19E): Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có công văn số 2200/BKHĐT-KTĐPLT ngày 25/3/2024 trả lời các kiến nghị của địa phương “hiện nay nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW hỗ trợ cho các địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ giao hết cho các Bộ, ngành, địa phương. Trường hợp cần thiết, địa phương phân bổ NSDP để thực hiện hoặc rà soát cắt giảm các dự án đã được giao kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 để đề xuất bố trí điều chuyển nguồn cho dự án”.

(4) Về đầu tư xây dựng Tuyến cao tốc Bắc – Nam phía Tây (Ngọc Hồi – Pleiku, Pleiku – Buôn Ma Thuột, Buôn Ma Thuột – Gia Nghĩa):

- Ngày 04/4/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản số 789/UBND-CNXD gửi Bộ Giao thông vận tải về việc đề xuất đầu tư tuyến cao tốc Bắc – Nam phía Tây đoạn qua địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Ngày 15/4/2024, Bộ Giao thông vận tải có văn bản số 3972/BGTVT-KHĐT gửi Ủy ban nhân dân 02 tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk về việc đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Tây đoạn qua địa bàn các tỉnh Đắk Lắk và Gia Lai, theo đó: để có cơ sở nghiên cứu đầu tư, trong quá trình điều chỉnh, cập nhật Quy hoạch mạng lưới đường bộ theo Quy hoạch tổng thể quốc gia, Bộ GTVT sẽ kiến nghị cấp có thẩm quyền tiếp tục có cơ chế “Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp các địa phương có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho đầu tư sớm”.

(5) Tuyến đường sắt kết nối Tây Nguyên (Đà Nẵng – Kon Tum – Gia Lai – Đắk Lắk – Đắk Nông – Bình Phước): thời gian qua, các Bộ ngành liên quan chưa triển khai các nội dung nghiên cứu phương án đầu tư các dự án trên. Tỉnh sẽ tiếp tục theo dõi và triển khai các

nội dung liên quan khi có văn bản chỉ đạo của Trung ương.

4. Phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

4.1 Quản lý tốt các hoạt động tổ chức lễ hội, biểu diễn nghệ thuật; bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc. Phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm gắn với bảo vệ môi trường, sinh thái:

- Các sự kiện văn hóa, thể thao của tỉnh có quy mô và chất lượng ngày càng được nâng cao đã góp phần tăng trải nghiệm và thu hút đông đảo khách du lịch²¹. Trong 02 năm 2023, 2024 và 06 tháng đầu năm 2025 đã hướng dẫn, hỗ trợ một số địa phương xây dựng sản phẩm du lịch nông nghiệp nông thôn, du lịch cộng đồng²². Triển khai đơn đốc hướng dẫn các doanh nghiệp tiếp tục cập nhập thông tin trên cổng thông tin điện tử, cổng thông tin du lịch và cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch. Từ năm 2023 đến nay, toàn tỉnh có thêm 01 di tích được xếp hạng di tích quốc gia, 06 di tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh, nâng tổng số di tích được xếp hạng trên địa bàn tỉnh lên 44 di tích, cụm di tích; 01 bộ hiện vật được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia, nâng tổng số bảo vật quốc gia của tỉnh lên 02 hiện vật, bộ hiện vật.

- Triển khai chương trình liên kết du lịch 06 tỉnh (Phú Yên - Bình Định - Quảng Ngãi - Đắk Lắk - Gia Lai và Kon Tum), tham gia sự kiện Hội chợ “Du lịch - ẩm thực và đặc sản Phú Yên 2023 và ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh; phối hợp tham gia gian hàng chung 4 tỉnh Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Phú Yên tham gia Hội chợ Du lịch quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh - ITE HCMC 2023; phối hợp tỉnh Đắk Lắk, Kon Tum tổ chức Hội nghị xúc tiến du lịch 3 tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum tại thành phố Hải Phòng; phối hợp tỉnh Ninh Bình tổ chức Hội nghị xúc tiến điểm đến du lịch liên vùng giữa tỉnh Ninh Bình - Thành phố Hà Nội và các tỉnh Tây Nguyên tổ chức tại thành phố Pleiku.

4.2 Thực hiện tốt các chính sách về y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, nâng cao chỉ số phát triển con người. Tăng cường chất lượng dịch vụ y tế; nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh:

- Tình hình dịch bệnh toàn tỉnh ổn định, các bệnh truyền nhiễm đa số giảm so với cùng kỳ như Covid-19, Cúm, tiêu chảy... Các bệnh truyền nhiễm khác như tả, dịch hạch, viêm não mô cầu, liệt mềm không có trường hợp mắc. Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu về y tế-dân số; đặc biệt quan tâm đến công tác khám chữa bệnh BHYT, khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 06 tuổi (hiện nay, trên 80% trạm y tế xã thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế)...

- Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và phát triển. Đối với y tế tuyến xã tổng số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế đến nay là 207/220 xã (đạt 94%), tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ làm việc đạt 94%; tỷ lệ thôn, bản có cán bộ y tế là 100%. Hiện tại, mạng lưới trạm y tế tiếp tục được đầu tư xây dựng tại các địa phương theo

²¹ Tuần lễ Văn hóa Du lịch Gia Lai năm 2023; Giải vô địch các đội mạnh Vovinam toàn quốc lần thứ 15; Giải Bóng đá U9 toàn quốc Toyota Cup 2024; Giải Vô địch Kickboxing toàn quốc năm 2024; Giải Vô địch võ Cổ truyền lần thứ 33; Chương trình “Cổng chiêng cuối tuần - Thưởng thức và trải nghiệm”, “Sắc màu văn hoá Gia Lai - Bảo tồn và phát triển”;...

²² UBND thành phố Pleiku đã ban hành Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 về đề án xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng tại làng IaNueng, xã Biển Hồ và Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 ban hành đề án xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng tại làng Ôp, phường Hoa Lư; phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn UBND huyện Kbang xây dựng thuyết minh dự án “Làng du lịch cộng đồng Mơ Hra, xã Kông Long Khong, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai”.

Đề án Phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030²³. Các dự án khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ đáp ứng cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh, điều trị bệnh, phòng chống dịch bệnh, chăm lo sức khỏe cho nhân dân tại vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả trúng thầu tập trung giai đoạn 2023-2024 cơ bản đáp ứng nhu cầu điều trị tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

4.3. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục và đào tạo.

- Ngành Giáo dục và đào tạo tập trung thực hiện Khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Thực hiện việc sắp xếp trường lớp và tuyển dụng biên chế giáo viên năm học 2023-2024 đảm bảo theo đúng lộ trình Kế hoạch. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo cuối năm 2024 ước đạt 94%. Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở các cấp đều đạt và tăng hơn kế hoạch. Tổ chức thành công Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 trên địa bàn tỉnh, kết quả học sinh đỗ tốt nghiệp THPT đạt 98,84% (tăng 1,05% so với năm 2023; cụ thể: hệ GDPT đạt 99,57%, tăng 0,64% so với năm 2023; hệ GDTX đạt 85,8%, tăng 10,0% so với năm 2023; có 25 trường THPT đỗ 100%, tăng 11 trường so với năm 2023). Các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia có 38/90 thí sinh đạt giải (đạt 42,2 %), trong đó có: 1 giải nhất, 6 giải nhì, 17 giải ba và 14 giải khuyến khích; thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh đều tăng cả về số lượng và chất lượng.

- Rà soát, sắp xếp đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo. Mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo tiếp tục mở rộng²⁴, công tác giáo dục dân tộc từng bước được nâng lên cả về quy mô và chất lượng²⁵. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học được quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố hóa²⁶. Ước đến cuối năm 2023 có 483/756 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt 63,4%.

4.4. Quan tâm thực hiện các chính sách xã hội, giải quyết việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững.

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, nhất là các chính sách ưu đãi người có công, giảm nghèo, chăm lo đời sống người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tập trung đẩy nhanh giảm nghèo, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường nắm bắt nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp để tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động. Trong năm 2023 và 9 tháng đầu năm 2024, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 48.184 người (năm 2023: 26.580 người, 9 tháng đầu năm 2024: 21.604 người), trong đó đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 2.547 người. Tập trung triển khai hiệu quả Chương trình MTQG Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững. Ước thực hiện năm 2024, Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn (theo chuẩn nghèo đa chiều): 6,11%; Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo: 2%; Giảm tỷ lệ hộ nghèo đối với huyện nghèo: 5,5%; đạt KH đề ra.

²³ Hiện tại, ngành Y tế đã và đang tham mưu UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nghị quyết quy định chính sách đãi ngộ, thu hút và đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2030; đã tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh Đề án phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030 đối với hạng mục đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa Quốc tế khu vực tam giác phát triển Lào – Campuchia- Việt Nam triển khai giai đoạn sau năm 2026.

²⁴ Toàn tỉnh có 1.046 cơ sở giáo dục, gồm 265 trường MN, 491 trường PT, 289 cơ sở GDTX và 01 trường CĐSP trực thuộc tỉnh;

²⁵ Toàn tỉnh có 17 trường Phổ thông dân tộc nội trú và 22 trường Phổ thông dân tộc bán trú. Quy mô đào tạo của 02 trường Phổ thông dân tộc nội trú cấp THPT hơn 400 học sinh/năm. Hầu hết các trường THCS dân tộc nội trú, có quy mô đào tạo 150 học sinh/năm.

²⁶ Huy động các nguồn lực để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho năm học mới 2023-2024, thực hiện Chương trình GDPT 2018, cụ thể: Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất: 366.174 triệu đồng; Kinh phí mua sắm trang thiết bị: 175.236 triệu đồng.

5. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

5.1 Tiếp tục bám sát đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Phát huy hơn nữa vai trò của công tác đối ngoại địa phương trong kết nối, hội nhập phục vụ phát triển.

- Tiếp tục tăng cường kết nối với các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế; đón tiếp và làm việc hiệu quả với các đoàn Đại sứ quán các nước đến thăm và làm việc tại tỉnh²⁷. Tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ hữu nghị hợp tác, truyền thống với các tỉnh Đông Bắc Campuchia, Nam Lào. Tạo ra cơ hội gặp gỡ, kết nối và trao đổi các cơ hội hợp tác, kinh doanh với các đối tác tiềm năng của nước bạn.

- Ban hành Kế hoạch số 06/KH-BCĐ ngày 22/02/2024 của Ban Chỉ đạo công tác biên giới tỉnh về việc triển khai nhiệm vụ công tác biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia trên tuyến biên giới của tỉnh năm 2024. Tham dự Hội nghị quán triệt thực hiện các quy hoạch cửa khẩu các tuyến biên giới đất liền do Bộ Ngoại giao tổ chức tại Hà Nội. Ban hành Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 25/3/2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 1200/QĐ-TTg ngày 14/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai...

- Đề nghị Cục Lãnh sự triển khai công tác bảo hộ công dân cho 05 trường hợp người lao động bị lừa bán sang Campuchia làm việc; 02 trường hợp công dân huyện Đức Cơ bị lực lượng chức năng Campuchia bắt giữ do nhập cảnh, săn bắt động vật hoang dã trái phép; có 02 trường hợp công dân ở Myanmar đã gửi hồ sơ đề nghị giúp đỡ được hỗ trợ về nước. Hỗ trợ 03 trường hợp công dân liên hệ cơ quan, tổ chức thực hiện việc giới thiệu con dấu, chữ ký, chức danh của người có thẩm quyền cho Bộ Ngoại giao để làm thủ tục chứng nhận lãnh sự. Ban hành Văn bản số 172/UBND-NC ngày 22/4/2024 chỉ đạo các đơn vị chức năng và các huyện biên giới tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát hoạt động xuất nhập cảnh; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân khu vực biên giới. Thông báo đến các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về việc triển khai thí điểm phân luồng tiếp nhận hồ sơ chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hoá lãnh sự tại Bộ Ngoại giao. Tham gia ý kiến đối với các giấy tờ đã được hợp pháp hoá lãnh sự liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài... Trao đổi thông tin, nắm tình hình quản lý biên giới và cột mốc biên giới trên địa bàn tỉnh... Tăng cường hoạt động đối ngoại nhân dân khu vực biên giới. Làm tốt công tác người Việt Nam ở nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người Việt Nam ở nước ngoài ngày càng gắn bó, đóng góp cho tỉnh nhà. Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng cán bộ làm công tác đối ngoại địa phương.

5.2 Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh tiếp tục được giữ vững ổn định, các lực lượng chức năng duy trì nghiêm kỷ luật quân đội, chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tổ chức tuần tra canh gác bảo đảm an toàn, tăng cường bám địa bàn, nắm dân và phối hợp chặt chẽ với chính quyền cơ sở thực hiện các biện pháp công tác bảo vệ biên giới, ngăn chặn vượt biên, quản lý tạm trú tại khu vực biên giới. Chủ động nắm, phân tích, dự báo, đánh giá sát tình hình, kịp thời chỉ đạo các biện pháp bảo đảm ANTT; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, dịp lễ, tết, hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến địa phương. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, các tổ chức phản động, FULRO lưu vong;

²⁷ Tiếp, làm việc với các đoàn Đoàn công tác của Văn phòng Hợp tác Quốc phòng, Đại sứ quán Hoa Kỳ; Đại sứ Ấn Độ tại Việt Nam; Đại sứ quán Phần Lan; tổ chức UNICE, Tổng Lãnh sự quán Ấn Độ tại Thành phố Hồ Chí Minh...

không để hình thành tổ chức chính trị đối lập trên địa bàn; không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, khủng bố; phòng ngừa, ngăn chặn không để xảy ra phức hồi FULRO, “Tin lành Degar”; kịp thời tham mưu giải quyết ổn định các vụ, việc liên quan đến an ninh chính trị, không để hình thành điểm nóng về an ninh, trật tự.

- Trật tự an toàn xã hội, công tác điều tra, xử lý tội phạm được bảo đảm, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm; tỷ lệ điều tra án chung, án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng vượt chỉ tiêu đề ra; đấu tranh quyết liệt tội phạm về kinh tế, môi trường, ma túy. Công tác quản lý nhà nước về ANTT, quản lý cư trú được tăng cường; đặc biệt các nhiệm vụ liên quan Đề án 06 của Chính phủ cơ bản bảo đảm tiến độ, yêu cầu đề ra. Tham mưu triển khai quyết liệt, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về phòng, chống tội phạm từ tỉnh đến cơ sở; phát huy được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và người dân tham gia đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm. Không để xảy ra tội phạm có tổ chức, băng, nhóm hoạt động lộng hành, phức tạp; không để tồn tại tụ điểm tệ nạn xã hội phức tạp. Tính đến thời điểm hiện tại, còn 14 vụ việc tranh chấp, khiếu kiện đông người, kéo dài (*trong đó, tạm ổn định 09 vụ; đang phức tạp 05 vụ*)²⁸.

- Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ đảm bảo chất lượng, đủ chỉ tiêu; chủ động bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ các cấp; xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia.

6. Về tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước các cấp. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan trong hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*; tiếp tục thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030. Phát huy tinh thần chủ động, quyết liệt, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm và vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nguyên tắc tự phê bình và phê bình.

- MTTQ Việt Nam tỉnh đã chủ động, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền thông qua việc góp ý hoàn thiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà nước. Các hoạt động mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại Nhân dân, tăng cường đoàn kết quốc tế được MTTQ các cấp trong tỉnh triển khai hiệu quả với phương châm “chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả”, đúng định hướng, có trọng

²⁸ nổi lên phức tạp nhất là vụ khiếu kiện liên quan cổ phần hóa Công ty cà phê Gia Lai chi nhánh huyện Chư Sê, mặc dù được các cấp, các ngành tập trung đối thoại, giải quyết nhưng các hộ dân thường xuyên tập trung đông người, gây mất an ninh, trật tự tại trụ sở Tỉnh ủy, UBND tỉnh, trụ sở tiếp công dân tỉnh, đáng chú ý một số hộ khiếu kiện vượt cấp tại Hà Nội.

tâm, mở rộng về địa bàn, lĩnh vực, đa dạng về đối tượng, góp phần hiện thực hóa chủ trương, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác cùng phát triển của Đảng và Nhà nước, quảng bá hình ảnh về đất nước, con người Việt Nam nhằm phát huy tốt hơn vai trò, trách nhiệm công tác Mặt trận trong công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển tỉnh nhà.

- Tập trung nguồn lực thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh. Ngày 22/02/2024, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng và cán bộ, công chức, viên chức, người giữ chức danh, chức vụ và kiểm soát viên tại doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Gia Lai, theo hướng đẩy mạnh phân cấp cho các cơ quan địa phương, gắn theo dõi, kiểm tra, giám sát thường xuyên. Xây dựng Chương trình phối hợp giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy và Ban cán sự Đảng UBND thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2024; ban hành Kế hoạch thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2024. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của đội ngũ CBCCVC, người lao động, tăng tính công khai, minh bạch, loại bỏ phiền hà cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch công tác, phát huy hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiết kiệm, chống lãng phí. Triển khai thực hiện công tác cán bộ và các chế độ, chính sách đối với CBCCVC đảm bảo kịp thời, đúng pháp luật.

IV. Đánh giá chung:

1. Kết quả nổi bật: các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch, chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã được UBND tỉnh triển khai kịp thời. Tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục có sự chuyển biến; phần lớn các chỉ tiêu đề ra đạt kế hoạch. Các lĩnh vực văn hóa-xã hội, giáo dục và đào tạo, y tế tiếp tục có bước phát triển; quan tâm và chăm lo đến các gia đình chính sách, người có công, đối tượng xã hội cộng đồng. Các vấn đề bức xúc xã hội, đơn thư khiếu nại, tố cáo được quan tâm giải quyết; công tác chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, công chức được quan tâm. Công tác đối ngoại được tăng cường. An ninh chính trị, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không Pleiku thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đã triển khai các công tác nghiên cứu phương án đầu tư tuyến đường cao tốc Quy Nhơn – Pleiku...

2. Khó khăn, thách thức:

- Chất lượng tăng trưởng kinh tế tỉnh chưa bền vững; chưa phát huy được lợi thế của tỉnh trong phát triển kinh tế - xã hội. Một số chỉ tiêu không đạt Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra, cơ cấu lại ngành nông nghiệp chưa chuyển biến mạnh, tăng trưởng nông nghiệp chủ yếu tăng theo chiều rộng; giải ngân xây dựng cơ bản chậm; kế hoạch sử dụng đất các địa phương chậm được phê duyệt; vướng mắc về tính giá đất cụ thể và giải quyết đất san lấp còn kéo dài; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tình hình an ninh chính trị thế giới; hoạt động sản xuất, kinh doanh vẫn gặp khó khăn; tình trạng vi phạm lâm luật, khai thác khoáng sản trái phép còn xảy ra... Công nghiệp quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, chủ yếu tập trung vào công nghiệp sản xuất điện; trình độ ứng dụng khoa học và công nghệ còn hạn chế; chưa mang tính đột phá, thiếu những quyết sách, chưa có cơ chế mạnh mẽ để thúc đẩy phát triển nguồn lực đầu tư phát triển. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới chưa bền vững. Một số dự án đầu tư chậm triển khai, vướng mắc trong công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng, thủ tục

hành chính; số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng chậm, hầu hết doanh nghiệp thuộc loại nhỏ và siêu nhỏ.

- Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh còn nhiều hạn chế, tồn tại; chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) ngày càng giảm sút. Thu hút đầu tư kém hiệu quả; chưa thu hút được nhà đầu tư có tiềm lực, nhà đầu tư lớn có nguồn lực vào tỉnh. Công tác tham mưu, trách nhiệm người đứng đầu tại một số cơ quan, đơn vị còn chậm, chưa nâng cao tinh thần trách nhiệm.

- Tốc độ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS còn chậm, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế của địa phương; kết quả công tác giảm nghèo chưa thật sự bền vững; phân hóa giàu nghèo trong cộng đồng dân cư và trong đồng bào DTTS ngày càng gia tăng; tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào DTTS vẫn còn tiềm ẩn những nhân tố phức tạp.

- Công tác đổi mới giáo dục và đào tạo chưa được quan tâm đúng mức. Đội ngũ giáo viên còn thiếu so với nhu cầu và chưa đồng bộ về cơ cấu đối với các cấp học. Nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng y tế chưa đáp ứng yêu cầu trong công tác khám, chữa bệnh; trang thiết bị y tế còn thiếu, chưa đồng bộ; hiện tượng cán bộ y tế bỏ việc xảy ra nhiều. Phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng.

- Công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, cấp quyền sử dụng đất cho nhân dân còn nhiều bất cập, hạn chế. Công tác quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý đô thị chưa chặt chẽ, đồng bộ; nhất là sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng và các địa phương.

- Việc triển khai các mục tiêu/nhiệm vụ/đề án theo Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị còn gặp nhiều khó khăn: (1) Tổng mức đầu tư tuyến đường cao tốc Quy Nhơn – Pleiku lớn, quá trình nghiên cứu phương án đầu tư theo hình thức PPP gặp khó khăn khi tính toán các phương án tài chính về khả năng hoàn vốn của dự án. (2) UBND tỉnh Gia Lai chưa thể bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương để thực hiện đầu tư xây dựng tuyến giao thông kết nối vùng Ayun Pa (Gia Lai) và Ea H'Leo (Đắk Lắk) và Tuyến đường nối Gia Lai – Phú Yên. (3) Chính phủ/các Bộ, ngành Trung ương chưa ban hành các chương trình/kế hoạch theo Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 152/NQ-CP của Chính phủ nên địa phương chưa có cơ sở để triển khai thực hiện²⁹.

3. Bài học kinh nghiệm

- Một là, phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự đồng thuận xã hội trong việc xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách của địa phương.

- Hai là, phải kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Trong lãnh đạo, điều hành bám sát quy chế làm việc, chương trình công tác; phát huy tính năng động, sáng tạo, xác định những vấn đề trọng tâm, trọng điểm trong từng thời gian, vừa kiên trì thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản lâu dài, vừa điều hành linh hoạt, tận dụng nắm bắt các cơ hội thuận lợi, tập trung các nguồn lực thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ cấp bách trước mắt, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, tạo đột phá để giữ vững và đẩy nhanh nhịp độ phát triển.

²⁹ Kế hoạch triển khai Quyết định về Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2030; Kế hoạch triển khai Quyết định về Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch triển khai Quyết định về Chương trình công nghệ bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp giai đoạn đến năm 2030...

- Ba là, coi trọng phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tiến hành đồng bộ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; gắn đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức với vị trí việc làm và chính sách đãi ngộ phù hợp.

- Bốn là, chú trọng củng cố tổ chức bộ máy; nâng cao trình độ, năng lực công tác của đội ngũ cán bộ. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm trong việc thực hiện các văn bản của Đảng; kịp thời khắc phục những hạn chế, thiếu sót, đề ra nhiệm vụ, phải pháp nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ.

- Năm là, phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, nhất là ở các địa bàn trọng điểm, các tuyến biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Thực hiện tốt công tác đối ngoại, bảo vệ an ninh, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

Phần II

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2026

I. Bối cảnh trong nước, quốc tế, những vấn đề đặt ra và dự kiến tình hình kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trong năm 2025

1. Bối cảnh

Trong năm 2026, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, nhiều khó khăn, thách thức, bất định, bất ổn, nhiều vấn đề chưa thể lường trước được, nhất là chính sách thuế quan của Mỹ và các “điểm nóng” xung đột trên thế giới và khu vực hiện nay. Trong nước, chính quyền cấp tỉnh và cấp xã (mới) chính thức hoạt động từ ngày 01/7/2025, là cơ sở để các địa phương tập trung khai thác không gian phát triển mới, thúc đẩy tăng trưởng. Tuy nhiên bên cạnh đó sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức; các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống của nước ta bị thu hẹp; dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, bão lũ tiếp tục diễn biến bất thường, ảnh hưởng nặng nề hơn.

2. Thuận lợi, điểm mạnh, lợi thế

- Thế và lực của đất nước sau gần 40 năm đổi mới đã lớn mạnh hơn cả về quy mô và sức cạnh tranh; tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo; nhiều dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia đưa vào khai thác; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; vị thế, uy tín của nước ta tiếp tục được nâng lên.

- Nền kinh tế của tỉnh tiếp tục có những chuyển biến tích cực theo hướng thông qua việc thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững; phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm tạo ra chuỗi giá trị sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng; gia tăng hoạt động trong các lĩnh vực như công nghiệp chế biến, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, đặc biệt là công nghiệp điện tái tạo,... Ngoài ra, môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng cải thiện thúc đẩy đầu tư của khu vực tư nhân vào hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực có chiều hướng gia tăng. Chú trọng công tác an sinh xã hội và đời sống nhân dân; phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã

hội và an toàn, an ninh cho nhân dân được giữ vững.

3. Khó khăn, thách thức, điểm nghẽn

- Cơ sở hạ tầng thiếu, yếu: Tỉnh Gia Lai có vị thế là cửa ngõ của khu vực Tây Nguyên, không chỉ trở thành đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa dịch vụ thương mại 3 nước Campuchia - Lào - Việt Nam, mà còn là đầu mối giao thông quan trọng kết nối Tây Nguyên với các tỉnh Đông Nam Bộ. Tuy nhiên, hạ tầng giao thông giao thông kết nối vùng và liên vùng của tỉnh đang là một trong những điểm nghẽn chưa giúp tỉnh Gia Lai phát triển bứt phá về kinh tế để xứng với tiềm năng của mình. Các kết nối đối ngoại thông qua các tuyến quốc lộ có cấp kỹ thuật thấp và chủ yếu là đường 2 làn xe, chất lượng mặt đường chưa tốt, mật độ quốc lộ trên địa bàn tỉnh còn thấp. Trong khi Tây Nguyên nói chung và Gia Lai nói riêng là khu vực có nguồn nguyên liệu hàng hoá nông nghiệp rất lớn nên phần nào ảnh hưởng đến lưu thông hàng hoá xuất khẩu cho địa phương.

- Về thể chế: Tỉnh đã đề xuất Chính phủ/Bộ Tài chính các nội dung về cơ chế, chính sách đặc thù phát triển vùng Tây Nguyên nhưng đến nay chưa được ban hành.

- Nguồn nhân lực trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp, thiếu lao động có trình độ cao; trình độ khoa học công nghệ còn thấp, quy mô ứng dụng còn hẹp. Du lịch phát triển chưa xứng với tiềm năng, sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, chưa có sự sáng tạo, khác biệt, tính liên kết chưa cao. Tình hình an ninh chính trị vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn.

- Quy mô đất đai cho sản xuất nông nghiệp lớn nhưng còn rất nhiều diện tích đứng trước thách thức về khả năng cung cấp nước tưới, diện tích đất bị suy thoái chất lượng. Thương hiệu sản phẩm nhất là trong nông nghiệp vẫn chưa được xây dựng tương xứng với vị thế, tiềm năng. Công nghiệp chưa phát triển, chưa đa dạng hóa và hình thành các sản phẩm công nghiệp gắn với chuỗi giá trị sản xuất, cung ứng toàn cầu trên nền tảng nông nghiệp là thế mạnh nổi trội của tỉnh.

- Phân bổ nguồn lực từ Trung ương, Ngân sách tỉnh còn dàn trải, chưa chú trọng vào các trọng điểm để tạo sức bật trở thành động lực lan tỏa các địa bàn khác trong tỉnh (do tỉnh có diện tích đứng thứ hai cả nước).

II. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Về tổ chức thực hiện các Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 152/NQ-CP của Chính phủ: tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 23-NQ/TW, Nghị quyết số 152/NQ-CP và trọng tâm là Chương trình hành động số 63-CTr/TU, Kế hoạch số 2374/KH-UBND. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thách thức, cũng như yêu tố tiềm năng, vị thế của tỉnh trong vùng để tiếp tục tạo sự bứt phá của tỉnh.

2. Về phát triển nhanh, bền vững tạo bước đột phá, lan tỏa trong phát triển kinh tế vùng, liên vùng

- Thực hiện Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Chương trình hành động số 825/CTr-UBND ngày 28/4/2022 thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU của

Tỉnh ủy về Đề án Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch; Chương trình số 899/Ctr-UBND ngày 09/5/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU của Tỉnh ủy về Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế và nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh giai đoạn 2021-2030. Tổ chức cơ cấu lại kinh tế gắn nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của tỉnh. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh hơn tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Tập trung phát triển sản phẩm mới của tỉnh dựa vào công nghệ mới, công nghệ cao; nâng cao hàm lượng khoa học và công nghệ trong sản phẩm để có giá trị gia tăng cao, có lợi thế cạnh tranh, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

2.1 Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến cáo nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên các diện tích không phù hợp sang các cây trồng khác có lợi thế. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến sản phẩm chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tự động, thông minh. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, bán thâm canh; áp dụng quy trình kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nuôi trồng. Phát triển cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp, nhất là hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai các chương trình, đề án, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản; hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp xây dựng phát triển thương hiệu, gắn với quảng bá sản phẩm. Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ bán tín chỉ các-bon; thúc đẩy cho thuê môi trường rừng, đẩy mạnh việc thu hút đầu tư đối với các doanh nghiệp trồng rừng sản xuất, đặc biệt là trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng theo chứng chỉ FSC nhằm cung cấp nguyên liệu gỗ có chứng chỉ quản lý rừng bền vững phù hợp yêu cầu của thị trường quốc tế. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới gắn với nâng cao chất lượng đời sống của người dân.

2.2 Triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo vùng nguyên liệu để các nhà máy chế biến hoạt động ổn định và phát huy công suất. Xây dựng kế hoạch làm việc với các nhà máy sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giúp các nhà máy phát triển ổn định; tạo mọi điều kiện thuận lợi, hỗ trợ và hướng dẫn các nhà máy điện gió đã hoàn thành đầu tư xây dựng nhà máy nhưng chưa phát điện lên lưới sớm đưa các nhà máy đi vào hoạt động.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, trước hết cần tập trung xã hội hóa đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp. Trong đó, tập trung tập đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng các Cụm công nghiệp; kêu gọi đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm sâu nông sản chủ lực của tỉnh như: cao su, cà phê, tiêu, ...

- Đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành sản xuất, phân phối và truyền tải điện, đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định. Kịp thời xử lý những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án năng lượng. Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu triển khai Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023. Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu phục vụ hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

2.3 Tập trung triển khai và kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chương trình, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách đối với người có uy tín

trong đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Phát triển hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào DTTS và miền núi; xây dựng và phát triển đồng bộ về cơ sở dữ liệu các dân tộc.

3. Về tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Chủ động triển khai các nhiệm vụ về phát triển vùng và liên kết vùng; tăng cường, phối hợp giữa tỉnh Gia Lai với Trung ương, giữa các địa phương trong vùng trong phát triển liên kết vùng.

- Tập trung triển khai thực hiện Quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư của tỉnh. Cải thiện thứ hạng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.

- Đảm bảo tính minh bạch thông tin về thị trường quyền sử dụng đất. Xác định giá trị quyền sử dụng đất theo cơ chế thị trường thông qua đấu giá, đấu thầu, thỏa thuận mua bán trên thị trường. Rà soát, điều chỉnh khung giá quyền sử dụng đất phù hợp với thị trường từng địa phương. Tăng cường áp dụng phương thức cho thuê đất. Thực hiện bình đẳng trong tiếp cận các yếu tố đầu vào của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Thực thi có hiệu quả các quy định của pháp luật về công khai, minh bạch trong tiếp cận các nguồn lực công, mua sắm và đầu tư công.

- Tập trung rà soát, triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, nhất là về thủ tục hành chính, quy định pháp lý trong các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các thủ tục đầu tư, đảm bảo mặt bằng, hạ tầng và các điều kiện cần thiết tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn để đón đầu các cơ hội, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư. Triển khai các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch.

- Tạo thuận lợi nhất để đẩy nhanh xã hội hóa đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt đối với hạ tầng thương mại; hạ tầng giáo dục, đào tạo; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao; phát triển nhà ở xã hội... Tập trung thu hút vốn đầu tư nước ngoài, bảo đảm chất lượng, có giá trị gia tăng cao và hiệu quả.

- Phát triển hạ tầng năng lượng, bảo đảm cung cấp đầy đủ, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội và an ninh năng lượng; hạ tầng thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước gắn với phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển mạnh hạ tầng du lịch để tăng năng lực cạnh tranh.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại truyền thống lẫn hiện đại; thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh. Triển khai hiệu quả Đề án phát triển kinh tế ban đêm, kinh tế tuần hoàn.

4. Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị

4.1 Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo: Ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định về Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2030 (sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt); Kế hoạch triển khai Quyết định về Chương trình công nghệ bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp giai đoạn đến năm 2030 (sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt). Đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ các nhiệm vụ thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-

2025, định hướng đến năm 2030 tại vùng Tây Nguyên. Tham mưu cấp có thẩm quyền hoàn thiện thể chế khoa học và công nghệ để làm hành lan pháp lý cho các hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh³⁰. Tập trung triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp cơ sở nhằm giải quyết những vấn đề trọng tâm của tỉnh, ngành. Tích cực đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong tỉnh ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, cải tiến, đổi mới công nghệ trong sản xuất; ứng dụng các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ.

4.2 Phát triển kết cấu hạ tầng quan trọng

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động số 592/CTr-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực của tỉnh Gia Lai đến năm 2030. Phát triển hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số.

- Tiếp tục tạo điều kiện để khơi thông, huy động các nguồn lực vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, nhất là nguồn lực của khu vực tư nhân và dân cư. Triển khai phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, năng lượng, nông nghiệp, nông thôn, công nghệ thông tin và truyền thông, hạ tầng các khu cụm công nghiệp và hạ tầng logistics. Tập trung nâng cao chất lượng đô thị, phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch, hướng tới mô hình đô thị xanh, thông minh và bền vững; tiếp tục xây dựng nông thôn mới.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan của tỉnh Bình Định và Sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh tham mưu cho UBND hai tỉnh Gia Lai và Bình Định làm việc với các Bộ: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và một số cơ quan liên quan về các nội dung liên quan đầu tư xây dựng dự án đường cao tốc Quy Nhơn – Pleiku, phân đấu chuẩn bị đầu tư năm 2024-2025, triển khai xây dựng cơ bản hoàn thành trước năm 2030.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu triển khai các nhiệm vụ có liên quan theo Quyết định số 1108/QĐ-BGTVT ngày 05/9/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không Pleiku thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tiếp tục theo dõi làm việc với các cơ quan của Trung ương, các Bộ, ngành liên quan xem xét các nguồn vốn bố trí cho 02 dự án: Tuyến giao thông kết nối vùng Ayun Pa (Gia Lai) và Ea H'Leo (Đắk Lắk); Tuyến đường nối Gia Lai – Phú Yên.

- Phối hợp với các các Bộ, ngành liên quan trong quá trình triển khai thực hiện các dự án: Tuyến cao tốc Bắc – Nam phía Tây (Ngọc Hồi – Pleiku, Pleiku – Buôn Ma Thuột, Buôn Ma Thuột – Gia Nghĩa); tuyến đường sắt kết nối Tây Nguyên (Đà Nẵng – Kon Tum – Gia Lai – Đắk Lắk – Đắk Nông – Bình Phước).

5. Về phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

5.1 Tổng kết công tác phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, xây dựng kế hoạch nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030; triển khai thực hiện hiệu quả nội dung hợp phần du lịch trong Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 1103/KH-UBND ngày 10/5/2024 phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến

³⁰ UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai; trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai (thay thế Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh Gia Lai),

năm 2030. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền Chương trình 43-CTr/TU ngày 26 tháng 6 năm 2017 thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; Nghị quyết 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững. Tiếp tục triển khai hiệu quả các nhiệm vụ thuộc Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023-2025. Tập trung phát triển sản phẩm du lịch sinh thái - văn hóa, phát huy liên kết giữa các tỉnh trong công tác phối hợp xây dựng sản phẩm; đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá du lịch và xúc tiến đầu tư du lịch, thu hút nhà đầu tư vào các dự án khu, điểm du lịch; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch; tăng cường hoạt động chuyển đổi số lĩnh vực du lịch. Đẩy mạnh hoạt động liên kết phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố trong nước và trong khu vực.

5.2 Tập trung nguồn lực triển khai có hiệu quả các mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh. Triển khai các giải pháp can thiệp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao thể lực và thể chất của người dân. Thực hiện nghiêm các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm. Triển khai tốt công tác phòng chống dịch bệnh; chuẩn bị đầy đủ phương tiện vật tư, hóa chất, nhân lực để tập trung xử lý dịch bệnh. Duy trì kiểm dịch y tế biên giới. Thực hiện có hiệu quả việc xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở. Triển khai Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn” sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại của Ngân hàng phát triển Châu Á; Triển khai hiệu quả các nội dung thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

5.3 Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục, quản trị nhà trường theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh tự chủ, bảo đảm vai trò kiến tạo để phát triển giáo dục. Triển khai thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và chuẩn bị triển khai cho lớp 5. Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp, đội ngũ nhà giáo và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và bảo đảm thiết bị dạy học tối thiểu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

5.4 Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là công tác xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, chăm lo đời sống người cao tuổi, người khuyết tật; tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; công tác bình đẳng giới. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025. Tỷ lệ hộ nghèo ước đạt 4,09%, giảm 2,02% so với năm 2024. Tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh giải quyết việc làm cho 27.200 lao động. Thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục nghề nghiệp. Tuyển sinh đào tạo các hệ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp đạt chỉ tiêu kế hoạch.

6. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Tiếp tục bám sát đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Phát huy hơn nữa vai trò của công tác đối ngoại địa phương trong kết nối, hội nhập phục vụ phát triển.

- Quán triệt, triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh, nắm chắc tình hình, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Tập trung, chủ

động triển khai các biện pháp công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, bọn phản động chống phá chính quyền, bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn TTATXH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Tiếp tục phối hợp tốt với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức rà soát, đánh giá việc triển khai các chủ trương, chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh phục vụ tham mưu chiến lược cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong thời gian tới. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về ANTT, tổ chức tốt công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh kịp thời với hoạt động của các loại tội phạm, tập trung đấu tranh chống tham nhũng, tội phạm ma túy, tội phạm có tổ chức..., góp phần kiềm chế sự gia tăng tội phạm, nâng cao tỷ lệ phát hiện, điều tra, khám phá án, thực hiện có hiệu quả các biện pháp làm giảm tai nạn giao thông và các tai nạn, tệ nạn xã hội. Củng cố, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

7. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước các cấp. Phát huy tinh thần chủ động, quyết liệt, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm và vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị.

- Thực hiện quyết liệt và đồng bộ chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cải thiện môi trường đầu tư. Triển khai thực hiện, hướng dẫn một số quy định mới của Trung ương liên quan đến công tác cán bộ và chế độ chính sách đối với CBCCVC.

- Phối hợp rà soát, bổ sung quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp và thực hiện nghiêm túc việc nhận xét, đánh giá CBCCVC năm 2025 đảm bảo sát thực tế, căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ, thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể. Rà soát, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc bố trí sắp xếp CBCCVC theo vị trí công việc và cơ cấu công chức sau sắp bộ máy. Thực hiện kịp thời công tác cán bộ và chính sách đối với CBCCVC; chú trọng đến việc nâng cao kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm trong thực thi công vụ.

III. Dự kiến tình hình thực hiện năm 2026

tt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1.	Tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương (giá so sánh 2010)	%	8,0
	Trong đó:		
	- Nông, lâm, thủy sản	%	4,5
	- Công nghiệp và xây dựng	%	10,9
	+ Công nghiệp	%	11,3
	+ Xây dựng	%	10
	- Dịch vụ	%	8,3
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm		5,4

tt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
2.	Chỉ số sản xuất công nghiệp	%	10 - 11
3.	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	2.675
4.	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	21.874
5.	- Thu nội địa	Tỷ đồng	21.034
6.	- Thu thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	840
7.	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh	%	9,5
8.	Duy trì mức sinh thay thế bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có từ 2,0 đến 2,2 con		2,2
9.	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghề	%	67,33
10.	Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới	%	1,40
11.	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	24
12.	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	94,0
13.	Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ	%	100,0
14.	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	100,0
15.	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường	34,7
16.	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi	%	10,3
17.	Tỷ lệ che phủ rừng	%	46,2
18.	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,15
19.	Trong đó: Tỷ lệ sử dụng nước sạch	%	34
20.	Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch	%	75,9
21.	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	95
22.	Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom	%	66,5
23.	Số lượng căn hộ nhà ở xã hội hoàn thành	Căn hộ	2.000

Phần III

KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các Ban đảng

Thực hiện chủ trương hợp nhất các tỉnh, để thuận lợi trong công tác chỉ đạo, điều hành, kính đề nghị Bộ Chính trị xem xét, hợp nhất Nghị quyết số 26-NQ/TW và số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ và vùng Tây Nguyên.

2. Đối với Quốc hội:

- Về chính sách ban hành Nghị quyết của UBTVQH về xây dựng nguyên tắc tiêu chí phân bổ nguồn vốn đầu tư từ NSNN giai đoạn 2026-2030: Theo số liệu tổng hợp thực tế của các địa phương qua các năm được bổ sung ngân sách; Tổng bổ sung từ ngân sách Trung ương của 10 tỉnh được bổ sung lớn nhất là 128.825.336 triệu đồng. Tính bình quân theo diện tích trung ương bổ sung 1.356 triệu đồng/km²; tính bình quân theo đầu người 10.026 triệu đồng/1.000 người.

Theo đó số bổ sung từ ngân sách trung ương cho tỉnh Gia Lai (cũ) tính theo diện tích là 643 triệu đồng/km² **chỉ đạt 47,42%** (643/1.356 triệu đồng/km²) so với bình quân 10 tỉnh

có số bổ sung lớn nhất tính theo diện tích; tính bình quân theo đầu người 6.271 triệu đồng/1.000 người đạt **62%** (6.271/10.026 triệu đồng/1.000 người). Gia Lai (trước và sau hợp nhất) là tỉnh có diện tích lớn thứ 2 toàn quốc, do vậy nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng là rất lớn; tỉnh Gia Lai kiến nghị khi ban hành nguyên tắc tiêu chí phân bổ nguồn vốn đầu tư từ NSNN cần có chính sách ưu tiên đối với tỉnh để đảm bảo đủ nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu; nhất là đối với các dự án hạ tầng giao thông quan trọng, có tính kết nối Vùng.

2. Đối với Chính phủ.

- Kiến nghị Chính phủ sớm trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Tây Nguyên nói chung và Gia Lai nói riêng.

- Đề nghị Trung ương có cơ chế, chính sách, tiêu chí rõ ràng để bố trí đủ vốn ngân sách nhà nước để ưu tiên tập trung thực hiện các dự án hạ tầng quan trọng, các dự án, trọng điểm, liên kết của từng vùng theo Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng Tây Nguyên (như nâng cấp Cảng hàng không Pleiku lên cấp 4C; Cao tốc Bắc - Nam phía Tây: Ngọc Hồi – Pleiku, Pleiku – Buôn Mê Thuột ...).

3. Đối với Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính

Đề nghị Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính xem xét, đưa danh mục án kết cấu hạ tầng giao thông vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 với tổng mức đầu tư dự kiến là 17.181 tỷ đồng³¹; gồm: (1) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 255 ; tổng mức đầu tư dự kiến: 2.114 tỷ đồng. (2) Dự án đường nối hai tỉnh Gia Lai – Phú Yên⁶ , đoạn trên địa phận tỉnh Gia Lai; tổng mức đầu tư dự kiến: 1.200 tỷ đồng. (3) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 14C7 ; tổng mức đầu tư dự kiến: 877 tỷ đồng. (4) Dự án mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Pleiku; tổng mức đầu tư giai đoạn trước năm 2030 dự kiến: 12.660 tỷ đồng. (5) Dự án Đầu tư xây dựng tuyến giao thông kết nối vùng AyunPa (Gia Lai) và Ea H'Leo (Đắk Lắk); tổng mức đầu tư dự kiến: 330 tỷ đồng.

Trên đây là nội dung báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Gia Lai, UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp. *nlz*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, PVPTH;
- Lưu: VT, T3. *nlz*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh
Nguyễn Tuấn Thanh

³¹ Công văn số 482/UBND-CN XD ngày 04/3/2025